

tác phẩm
đăng báo 1928
(phần 2)

Phan Khôi

tác phẩm
đăng báo 1928
(phần 2)

Phan Khôi

bìa: *Internet*
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: *Internet*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

tác phẩm
đăng báo 1928

(phần 2)

PHAN KHÔI



Phan Khôi (chữ Hán: 潘瓌; 1887 - 1959),
bút danh Chương Dân, là một học giả tên tuổi,
một nhà thơ, nhà văn, thành viên nhóm
Nhân Văn - Giai Phẩm.

MỤC LỤC

1. Xin tã chó không phải thôi miên!	9
2. Mấy lời kết luận về Cô Hồng Minh và cái thuyết Âu châu tan nát	12
3. Cái tình thế chánh trị xứ Trung Kỳ và nhân dân đại biểu viện xứ ấy	20
4. Ít lời lạm bàn về chính sách của ông Pasquier, quan toàn quyền mới Đông Pháp	28
5. Cụ Bùi thiệt là chướng quá	35
6. Cấm sách, sách cấm	47
7. Dân Đông Pháp đừng kêu! Trong ...	54
8. Tư tưởng của Tây phương và Đông phương	58

9. Một bài vận văn rất có giá trị	75
10. Thi văn với thời đại	86
11. Bác cái thuyết tân cựu điều hòa	95
12. Văn chương và văn chương của nhà báo	103
13. Thơ ngỏ cùng ông Nguyễn Trác, Nghị trưởng mới Viện Dân biểu Trung Kỳ	114
14. Cuộc diễn thuyết hồi về dân quyền	124
15. Con bò của ông tổng đốc	130
16. Lý với thế: Hồ Thích với Quốc Dân Đảng	136

1. XIN TÃ CHỚ KHÔNG PHẢI THÔI MIÊN!

của Phan Khôi hoặc Diệp Văn Kỳ

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 765 (6.9.1928)

Trong số báo thứ ba vừa rồi, chúng tôi có thuật chuyện hai người học trò trong trường Huỳnh Khương Ninh, vì muốn học thôi miên mà một người phải bị thương nặng.

Nay nghe lại rõ, thì không phải là chuyện ấy xảy ra trong trường mà lại là ở ngay nơi nhà thầy dạy xin tã như vậy:

Nguyên hôm thứ bảy rồi, hai anh em trò Tòng, học ở trường Huỳnh Khương Ninh rủ nhau cùng với một người bạn học tên là Bá đi lên nhà anh..... dạy xin tã ở tại Đất Hộ (ĐaKao).

Khi đến nơi, thấy xin tã chỉ cậu Bá là người học xin tã từ bấy lâu nay mà làm phép, đọc thần chú, rồi xây lại đưa một con dao cho trò Bá mà nói rằng: Đó, bây giờ nó đã thấm phép rồi, đâm chém chi cũng không đứt nữa đã! Trò thử chém ngay vào bụng nó coi.

Trò Bá nghe vậy chém thử, xin tã đâu không thấy mà thấy trò Bá bị dao lòi ruột.

Thấy vậy hoảng hốt liệng dao đâm đầu chạy mất. Người anh trò Tòng có mặt ở đó, liền lật đật chở vào nhà thương. Nghe nói người vì bị thương nặng quá không thể chịu nổi mà đã bỏ mạng từ hôm ấy.

1. Xin tã chớ không phải thôi miên! ¶ 11

Việc này tòa đương còn tra cứu. Mà chúng tôi cũng xin phải nghiêm cấm mấy ông thầy xin tã. Bằng không, thì sẽ có nhiều điều hại nữa.

K.

MẤY LỜI KẾT LUẬN VỀ CÔ HỒNG MINH VÀ CÁI THUYẾT CHÂU ÂU SẮP TAN NÁT

của Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 769 (15.9.1928)

Đông Pháp thời báo từ số 765 cho đến số vừa rồi, chúng tôi có dịch đăng cả một thiên trong sách *Fièvre Jaune* của cô Simone Téry, nói về Cô Hồng Minh¹ là một nhà lão nho Tàu và về cái ý kiến của ông ấy khinh miệt cái văn minh Âu châu là thế nào.

¹ Bài trích sách của Simone Téry đăng Đông Pháp thời báo là do Bùi Thế Mỹ dịch; Cô Hồng Minh (1856-1928), quan chức ngoại giao, giáo sư Đại học Bắc Kinh, tôn sùng tư tưởng Khổng giáo, phản đối tân văn hóa

Độc giả xem cả bài Âu châu sắp tan nát trong bốn số báo đó thì thấy cô Simone Téry không phải vì tán thành cái ý kiến của họ Cô mà chép thiên nầy đâu, chẳng qua là vì cái tánh háo kỳ đó thôi. Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi cũng vì tánh háo kỳ của mình và chiều theo cái tánh ấy của độc giả mà dịch ra và đăng báo, để cho biết rằng trong thời đại tối tân nầy cũng vẫn còn có người thủ cựu đến bậc ấy, thì thật là lạ lắm. Lạ hơn nữa, là người thủ cựu ấy lại là người uyên thâm về Tây học như họ Cô.

Nói về học thuật bên Tàu từ hồi Dân quốc mới thành lập, đại để chia ra hai phái: một phái lo hấp thu Âu hóa; một phái lo duy trì Khổng giáo. Phái trước chiếm phần đông trong học giới nước Tàu, chẳng cần nói làm chi; còn phái sau, những người đại biểu tức như Khương Hữu Vi và Trần Hoàng Chương. Bọn nầy rủ nhau lập Khổng giáo hội, làm theo

kiểu tôn giáo, định dùng cách ấy để mà truyền đạo Khổng ra khắp thế gian. Không ngờ chưa được bao lâu, bị nhiều người công kích, kể có cuộc vận động về “Tân văn hóa”, thì Khổng giáo hội tan ráo, tạp chí *Thánh giáo lý quật*² đình bản, công nghiệp của Khương với Trần gãy dựng trong bấy nhiêu năm tiêu diệt hết, đến cái bóng cũng không còn. Thế là phái sau là phái duy trì Khổng giáo bị thất bại. Bấy giờ Cô Hồng Minh ngoài sáu mươi tuổi, tuy đã đậu văn khoa tấn sĩ bên Tây, song va chìm lìm trong biển học Trung Hoa, chẳng có tiếng tăm gì cả, trong phái trước và mai một đã đành, trong phái sau cũng chẳng ai nói đến.

Thật vậy, hỏi bao nhiêu người đã đọc sách Tàu mới làm ra trong ba mươi năm nay, coi thử có trứ giả nào tên là Cô Hồng Minh không? Và lại, trong các sách ấy có chỗ nào nói đến tên Cô Hồng Minh không? Theo tôi,

2 Thánh giáo lý quật là tạp chí cơ quan của Khổng giáo hội (nguyên chú của Phan Khôi)

thật không có. Có chăng, mới vài năm nay thấy trong sách của Lương Thốc Minh một lần mà thôi.

Họ Cô đẩy mình lên được là từ cuộc đại chiến năm 1914-1918. Bấy giờ va làm một cuốn sách chữ Hán gọi là Xuân thu đại nghĩa, dịch ra tiếng Anh, kêu là The Spirit of Chinese; tiếng Pháp, kêu là L'Esprit de Chine, mà theo cô Simone Téry thì kêu là L'Espir-it du peuple Chinois. Sách ấy đại ý nói rằng hiện nay văn minh Âu châu đã phá sản rồi, nếu muốn sống thì phải ăn ở theo người Tàu, học theo Khổng Tử. Cuốn sách đó bán ra hàng vạn ở Luân Đôn và Bá Lâm, làm cho dư luận Âu châu xôn xao lên một độ. Đối với cái thuyết của Cô, họ có nhiều người phản đối mà cũng có nhiều người hoan nghinh.

Người phản đối thì nói rằng: Xưa nay trong cuộc đời người, về cách ăn mặc, đổi được; về chế độ trị nước, đổi được; song đến cái quan

niệm về nhân sanh thì không thể đổi. Ai biểu đổi đi là người đó nói dại. Còn kẻ hoan nghinh thì chẳng qua vì ngao ngán cái cảnh tiêu điều sau cơn đại chiến ở Âu châu, như nhà giàu ăn thịt chán, thấy rau mà thèm; và cũng vì cái tánh háo kỳ của họ một ít nữa. Bấy giờ người Âu châu họ hoan nghinh cái thuyết của Cô Hồng Minh cũng chẳng khác nào họ hoan nghinh những tập thơ Trăng non của Tagore, chớ chẳng có ý nghĩa gì cho lắm vậy.

Cuốn sách của Cô, trong đám học giả Tàu cũng có người nói đến, song họ cho là điên. Bởi vậy, đối với học giới Tàu, Cô cũng vẫn mai một như xưa; song nhờ cuốn sách ấy, ở Âu châu va lại được rạng bày tên tuổi.

Anh già nầy chẳng qua là một anh buôn danh bán lợi bằng cách đầu cơ. Ảnh lừa khi người ta đau ngất rồi đem thuốc đến vừa dọa vừa dỗ, tài chi người ta không để ý mà nghe ảnh? Ủ, nếu quả thuốc ảnh là hay thật, thì sao không đem mà cứu người nhà trong cơn vạn

tử nhứt sanh? Cũng như anh già Ấn Độ một thứ: đi đâu thì đi tàu hỏa xe hơi; trọ đâu thì trọ khách sạn kiểu kim thời; đứng trong salon dưới chơn lót mã nhục, trên đầu kết hoa, quạt điện mát rượi, đèn điện sáng choang mà diễn thuyết; mà mở mồm ra ấy là phản đối văn minh vật chất! Ai chơi với các ảnh thì chơi; chớ còn bọn dân hèn yếu như mình không chơi với các ảnh được đâu!

Ấy đó là cái bốn tượng của Cô Hồng Minh đó. Đừng có thấy va đỗ tấn sĩ, đỗ kỹ sư bên Tây mà hâm mộ, đừng có thấy va học biết nhiều thứ tiếng, thiếu chút nữa được phần thưởng văn học Nobel mà khùng khiếp. À! Chính anh già Ấn Độ đã được phần thưởng Nobel đó, cũng chỉ làm trò chơi cho bọn da trắng mà thôi; nói thiệt, có ích lợi gì cho lũ dân hèn bị áp chế ở Á châu này?

Đến như cái thuyết “Âu châu sắp tan nát” của Cô thì thiệt là tầm bậy.

Gần nay các học giả trong thế giới đã suy tìm được cái nguyên nhân cuộc chiến tranh năm 1914-1918. Ai nấy đều công nhận rằng ấy là tại gần đây khoa học tấn bộ, các nước phú cường chế tạo ra vật sản quá nhiều, thành thử không có chỗ bán, mà phải đánh nhau để giành lấy thị trường. Quả vậy thì cái tội gây ra chiến tranh lại tại các nước yếu hèn, tức là các nước mà khoa học chưa tấn bộ, công nghệ chưa phát đạt. Vì nếu các nước ấy cũng chế tạo được thì có ai hòng bán cho ai, chỉ đến nỗi giết nhau để cướp mỗi hàng? Thế thì cái họa tan nát ấy không phải tại trong ruột Âu châu gây ra, dầu có thọ hại trong một thời rồi cũng thôi, sao lại nói là Âu châu sắp tan nát được?

Huống chi, theo lẽ tấn hóa thì mỗi một khi xã hội tấn hóa phải có biến động. Như nước Pháp có cái nền dân chủ vững chãi ngày nay, ấy là đã phải trải qua một thời khủng bố ngày xưa. Giả sử Cô Hồng Minh ở vào thời Cách mạng ấy thì chắc va cũng nói rằng “nước

Pháp sắp tan nát”; song không biết đó là cái cơ tấn hóa vậy. Cuộc tan nát của Âu châu mà Cô nói đây, chưa biết chừng, có lẽ là cái cơ tấn hóa của cả thế giới.

Không phải Âu châu là trăm sự trăm tốt hết thảy, song cái đại thể các dân tộc yếu ở Á châu ngày nay là phải học theo Âu châu thì mới có thể sanh tồn. Tôi không hiểu người ta ai nấy đều muốn ăn sung mặc sướng, đi mau, thì sao lại cứ nhè vật chất văn minh mà phản đối? Láo quá, không tin được!

Dân Á châu mà khôn ra thì nên gác những lời của Cô Hồng Minh để ngoài tai, bỏ những thi tập của Tagore vào giỏ rác, cho đến Khổng Tử, Thích Ca cũng mời các ngài ngồi đó đã, để chúng tôi lo tập rèn khoa học, đúc súng, đóng tàu, làm máy xay gạo đừng có sống.

C.D.

3. CÁI TÌNH THẾ CHÁNH TRỊ XỨ TRUNG KỲ VÀ NHÂN DÂN ĐẠI BIỂU VIỆN XỨ ẤY

của Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 761 (28.8.1928)

Mấy lời đáp lại ông Trung Ngôn

Đọc Tiếng dân số 104, thấy có bài của ông Trung Ngôn ngỏ cùng các ông đại biểu nhân dân Trung Kỳ, mong cho các ông ấy đem những điều quan hệ cần thiết mà yêu cầu cùng chánh phủ trong kỳ hội nghị cuối cùng sắp tới đây, kéo sang năm các ông sẽ mãn khóa vì đến lần tuyển cử khác.

Trong bài ông Trung Ngôn vẫn có ý chịu các ông đại biểu hiện thời đây, song cái ý trách

nhau lại nhiều hơn. Vì ông có nói rằng: “..... Song nói về nhân dân nhờ những lời yêu cầu của các ông mà được hưởng chút quyền lợi gì thì dân chúng tôi chưa có thể nhận cái ơn đó”. Và rằng: “..... Song phần nữa thì giống như, ngoài kỳ hội nghị mấy điều yêu cầu chung ra (câu này theo y nguyên văn, nghĩa là: Ngoài mấy điều yêu cầu chung trong kỳ hội nghị ra - nguyên chú), không để lòng về việc công chúng bao nhiêu”.

Ông Trung Ngôn trách cũng phải, nhưng mà tốt hơn là ông nên xét lại cái tình thế chánh trị Trung Kỳ cho vỡ ra đã, rồi sẽ hạ những lời phê bình của ông.

Không cần nói, ai cũng biết rằng cái sự khó khăn của chánh cuộc Trung Kỳ là tại đã ở dưới quyền chánh phủ Bảo hộ, lại còn ở dưới quyền chánh phủ Nam triều. Vẫn biết, theo bốn hiệp ước ngày 6 November 1925 thì bên Nam triều hầu như không còn có chút chánh quyền nào nữa, song đó chỉ là trên giấy mực

mà thôi, thực sự nào có phải thế đâu. Ông há lại chẳng thấy quyền các quan ta ngày nay lại có phần to hơn ngày trước?

Phải biết rằng chánh phủ Bảo hộ Trung Kỳ ngày nay như là một anh chàng lão luyện trong nghề phong tình mà có hai tình như: một cô già thì nhờ vì cái tay giam buộc cũng già, một cô trẻ thì chỉ để tiêu khiển trong khi cần đến. Anh chàng ấy đối với người da nhẵn má sệ kia đã vì đỡ dần cho mình được mà không thể bỏ, thì đối với người liễu yếu đào tơ nọ, dầu yêu nhau chẳng nữa, há lại đã vội tin nhau là sống gởi nạc thác gởi xương hay sao?

Đã biết vậy rồi thì không nên vội mong cho các ông đại biểu ta nói chi nghe nấy, đòi chi được nấy. Mà miễn cho các ông có nói có đòi là đủ rồi.

Ông Trung Ngôn có kể ra mấy điều sốt

sắc của các ông đại biểu, như là việc cứu giúp nạn dân Thanh Hóa, việc giải bày tình tệ kiểm lâm, việc ông nghị viên Phan Rang từ chức, mà quên mất một việc hệ trọng không kể đến, là việc kháng nghị một tờ thông tư của ông quyền Khâm sứ kia. Theo ý tôi thì trong một khóa nghị viên ba năm nầy phải kể cho việc nầy là vẻ vang hơn hết. Phỏng khiến việc ấy không thành công chẳng nữa, song chỉ hai chữ «kháng nghị» là ta đủ phục, hưởng chi là đã có kết quả hay.

Tôi nói vậy vì tôi nghĩ rằng cái tình thế chánh trị Trung Kỳ là khó khăn lắm, bước thứ nhứt của các ông đại biểu là chỉ phải tỏ ra cho chánh phủ biết rằng mình có đủ tư cách thay mặt cho dân, rồi về sau mới nhơn đó mà gỡ lần cái mối khó khăn ấy.

Nhơn trong bài diễn thuyết của ông Nghị trưởng tại nghị viện năm ngoái có nói rằng

“Vì nhân dân quá ư trách vọng v. v...” mà ông Trung Ngôn dẫn ra, rồi nói rằng “Dân chúng tôi vẫn biết, v.v... sao gọi rằng quá ư trách vọng?”

Ông Trung Ngôn nói vậy mặc dầu, chớ tôi thì cho rằng điều đó thật quả có. Đại để dân ta hay có lòng xa vọng quá, mà không biết lượng thứ cho nhau. Một điều tôi rất lấy làm lạ, là mấy khóa trước, mấy ông hưu quan ra vâng vâng dạ dạ thì bấy giờ hình như dân cũng dạ dạ vâng vâng theo; còn khóa này nhiều tay khá ra, làm được bộn bề công việc, thì dân lại đem cả một mớ trách nhiệm như cái trời mà đổ sập vào trên mình họ. Đã hay rằng “khôn thì chịu khó”, song khó cũng có chừng, quá đi thì ai chịu nổi!

Tôi nói, chính ông Trung Ngôn cũng quá ư trách vọng kia mà. Coi như ông than thở mà rằng: “Con em thì mang lấy cái dốt, mà

học giới nhiều điều bó buộc; dân gian thì giữ lấy cái nghèo mà sinh kế không thấy mở mang, cho đến lao động thất nghiệp, đạo kiếp hoành hành, phong tục suy đồi, gian tham tứ ngược, bể khổ nhân dân xứ này như thế, các ông lại không đau lòng sao?” Rồi ông bảo trong kỳ hội nghị tới đây phải yêu cầu chánh phủ thi hành những phương pháp gì để cải lương những điều đó.

Ông nói phải lắm. Song le, sao ông lại toan canh cải ngay một xã hội trong một kỳ hội nghị mà lại là kỳ hội nghị cuối cùng? Tôi tin rằng các ông đại biểu vẫn thấy những điều đó mà đau lòng; tôi lại tin rằng kỳ hội nghị tới đây các ông sẽ theo lời ông mà yêu cầu cùng chánh phủ. Song có một điều tôi tin chắc hơn hết là chánh phủ sẽ kiếm cớ mà hẹn với các ông rằng thủng thẳng sẽ thi hành. Vì làm sao? Vì cái quyền thi hành cùng không, ấy là tại chánh phủ, không ai ép được hết.

Muốn cho chánh phủ thi hành các việc mà nghị viện yêu cầu, ấy là điều ta nên trông vào dân mà không nên trông vào nghị viện. Các ông đại biểu dầu là bậc thánh hiền hào kiệt hết thảy, song ngó lại đằng sau mình không có một chút thế lực gì gọi là hậu viện, thì cũng phải đứng đó mà không bước tới được bước nào.

Ông Trung Ngôn tự xưng là một người dân Trung Kỳ, mà tôi đây cũng một người dân Trung Kỳ. Tôi xin hỏi: ai cho phép ông và tôi không trách vọng vào chính mình chúng ta, mà lại cứ trách vọng vào các ông đại biểu?

Tự tôi thì tôi nghĩ dân Trung Kỳ chúng ta then với các ông đại biểu khóa này, vì các ổng đã bước tới được một bước mà dân ta thì hình như không bước bước nào cả. Nếu dân ta bước được một bước thì chắc các ổng phải bước tới một bước nữa.

Sự nhờ những lời yêu cầu rồi được hưởng chút quyền lợi mà ông gọi là “ơn” đó, cái ơn ấy không phải có ai ban cho ta đâu, song chính là dân chúng ta tự tạo lấy cho chúng ta vậy.

C.D.

4. ÍT LỜI LẠM BÀN VỀ CHÍNH SÁCH CỦA ÔNG PASQUIER, QUAN TOÀN QUYỀN MỚI ĐÔNG PHÁP

của Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 762 (30.8.1928)

Từ ngày bốn báo đăng tin ông Pasquier được bổ sang làm toàn quyền Đông Pháp, đồng nhân chúng tôi dầu nguội lạnh đến đâu cũng vẫn có ý trông mong. Vì rằng một ông quan cai trị ở đất An Nam trải bao nhiêu năm, bây giờ lại trở qua trọng nhiệm chức thủ hiến xứ nầy, tất nhiên là có những chánh sách hay bởi sự kinh nghiệm hằng lâu của mình vậy.

Sự trông mong ấy có mãi nguyên được không, còn phải đợi đến khi quan Toàn quyền Pasquier tựu lý năm bảy tháng một năm rồi mới biết. Song hiện nay, nhơn ngài đã lấy lời nói mà phô bày chánh sách của ngài, thì chúng tôi đây, một nhà ngôn luận, há lại chẳng nên cũng lấy lời nói mà lạm bàn về chánh sách của ngài đôi chút hay sao? Sự bàn luận ấy nếu có bổ ích cho ngài chẳng, chúng tôi không dám biết; chỉ biết chắc rằng chúng tôi nói đây là đủ tỏ ra cái ý kiến và lòng nguyện vọng của một bọn người An Nam mà thôi.

Vẫn biết cuộc chánh trị ở xứ này, rút lại cũng chỉ “nói” là cùng, nhưng có lẽ nào vì có ấy mà chúng tôi nỡ làm thình cho đành.

Mới rồi, đọc một tờ báo tây ở đây, thấy có đăng tin rằng:

“Một hôm Tuần báo ở Paris phái người đến yết kiến ông Pasquier, hỏi ngài chuyến này sang Đông Pháp sẽ thi thố làm sao, thì

ngài đáp rằng mình sẽ noi theo chánh sách của hết thảy các quan tiền lệ mà chánh sách ấy tức là của nước Pháp; ngài định ý thiết hành cuộc liên lạc các phần tử lương thiện (Vì muốn dịch đúng theo tiếng Pháp nên chúng tôi cực chẳng đã phải để chữ “các phần tử lương thiện” nầy cho đúng với nguyên văn là “des éléments saints”. Chữ nầy có ý chỉ về những người hiền lành, một mục theo Chánh phủ Pháp ở đây, chưa hề nhiễm phải cái tư tưởng phản đối hoặc là tư tưởng khác trái với cuộc bảo hộ của nước Pháp - nguyên chú của Phan Khôi) ở bốn xứ với dân Lang Sa, chẳng hề dung thứ cho sự phiến động hoặc sự gì đụng chạm đến trật tự và trị an, là những điều cần cho cuộc tấn bộ của thuộc địa”.

Chúng tôi muốn nói, là vì mấy lời tuyên ngôn của ngài đó.

Thoạt đọc câu đầu hết, chúng tôi bất giác phải kính phục ngài, coi ngài gần như là đức Khổng Tử của chúng tôi. Vì xưa kia đức

Khổng gồm có các đức tốt của đấng thánh, như lời Mạnh Tử nói, “Khổng Tử tập quần thánh chi đại thành”; mà ngày nay, ngài, ông Pasquier, thì noi theo chánh sách của hết thảy các quan tiền lệ. Theo chúng tôi thấy thì hết thảy các quan Toàn quyền tiền lệ ở đây, mỗi ông có một chánh sách khác xa chẳng nói làm chi; hễ nói gần đây, ông Van Vallanhoven khác, ông Roume khác, ông Sarraut khác, ông Merlin khác, cho đến ông Varenne cũng khác, mà ông Pasquier thì noi theo hết thảy, sự ấy há chẳng đáng cho chúng tôi lấy làm kỳ dị mà khâm phục lắm sao!

Song le, “Khổng Tử tập quần thánh chi đại thành” thì còn có thể hiểu được, còn “Pasquier tập các Toàn quyền chi đại thành” thì chúng tôi phải lấy làm khó lòng mà hiểu. Bởi vì đạo đức và chánh trị hai bên phải có quan niệm khác nhau: về đạo đức, có thể cho phép một người gồm đủ các cái hay; về chánh trị, lẽ nào đã theo lối thành thiệt của ông Van Vallanhoven lại còn theo lối tinh khôn của

ông Sarraut; đã theo cách quả quyết của ông Merlin lại còn theo cách do dự của ông Varrenne được?

May mà ngài, ông Pasquier, đã cắt nghĩa cho chúng tôi. Liền theo đó, ngài nói rằng ngài định ý thiết hành cuộc liên lạc các phần tử lương thiện ở bốn xứ với dân Lang Sa; còn những kẻ phiến động, làm hại đến trật tự và trị an thì ngài quyết không dung thứ.

Chúng tôi hiểu rồi. Chúng tôi hiểu rằng các quan toàn quyền tiền lệ cũng vậy, mà quan toàn quyền sẽ tựu lệ đây cũng vậy, dầu chánh sách khác nhau mặc lòng, song có một điều giống nhau là quyết không dung thứ những kẻ phiến động, làm hại đến trật tự và trị an.

Thế thì quan toàn quyền Pasquier ngày nay ráp toan “tập đại thành” các quan toàn quyền thuở trước, nào có khó gì!

Thế nhưng chúng tôi còn muốn tỏ một

vài cái ý kiến tầm thường cùng quan Toàn quyền mới. Ý kiến ấy không phải chính của chúng tôi, mà là của đức Khổng Tử, là người chúng tôi đã đem ra so sánh cùng ngài ban nãy.

Đức Khổng Tử nói rằng: “Dân chi sở hảo, hảo chi; dân chi sở ố, ố chi”. Nghĩa là, chánh phủ phải ưa những điều dân ưa, phải ghét những điều dân ghét. Lại nói rằng: “Nhân chi bất nhân, tất chi dĩ thậm, loạn dã”. Nghĩa là, những người mình cho là bất nhân mà mình ghét họ quá thể, thì sanh ra loạn.

Trước hết xin quan Toàn quyền ta phải xét dân An Nam ngày nay ưa những điều gì, ghét những điều gì. Vì làm sao lại có sự phiến động? Có phải tại Chánh phủ không thuận theo sự ưa ghét của dân mà ra chăng? Có phải tại dân không thỏa được lòng nguyện vọng mà ra chăng? Nếu phải vậy thì Chánh phủ phải đổi chánh sách lại cho hiệp lòng dân, chớ sao lại cứ một mực “quyết không dung thứ”?

Những kẻ mà ngài cho là phiến động, làm hại trật tự và trị an đó, tưởng nên dùng cách nào làm cho họ phục tề mà quy thuận với Chánh phủ mới phải. Còn như cứ một mực không dung thứ, tức là ghét họ quá thể, theo Khổng Tử nói, loạn có thể bởi đó mà sanh thêm.

Nói vậy thì nói, chứ riêng về phần ông Pasquier thì đã có cái dấu tỏ ra cho ta đáng trông mong vào ngài.

Tòa kiểm duyệt bỏ hết một đoạn

Song cái câu nói ấy chẳng qua là phỏng chừng mà thôi, chẳng có bằng cứ nào đủ tin.

Nói sơ vài cột báo là cùng, mà có nói mấy đi nữa cũng đến nói là cùng, xin quốc dân dung thứ cho tôi là kẻ viết bài này.

C.D.

5. CỤ BÙI THIẾT LÀ CHƯỞNG QUÁ

của Phan Khôi
hoặc Diệp Văn Kỳ

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 762 (30.8.1928)

Báo *L'Echo Annamite* đối với ông hội đồng Ngô Văn Huấn

Trong báo *L'Echo Annamite* ra ngày thứ sáu 24 Aout vừa rồi, bạn đồng nghiệp rất có giá trị là ông E. Dejean de la Batie có viết một bài đề là “Tình cảnh ông Ngô Văn Huấn: Một là minh oan, hai là từ

chức” (Le cas de M. Ngô Văn Huấn: Justification ou démission), nghị luận có phần chính đáng lắm, nay chúng tôi xin y theo nguyên văn mà dịch ra như sau này:

“Trong số báo L’ECHO Annamite ra ngày hôm qua đã có đăng tin rằng ông Ngô Văn Huấn chùng như muốn tính xin từ chức hội đồng quản hạt.

Tôi muốn biết việc ấy một cách chắc chắn và mong rằng cái tin đồn bán tín bán nghi đó sẽ phiên thành ra thiệt sự quách.

Ông Huấn quả có một phần trách nhiệm trong cái thảm án Phong Thạnh chăng? Điều ấy tôi không được biết rõ. Có một điều là trong khi tòa đại hình Cần Thơ xử vụ Phong Thạnh, thì nào là quan tòa nào là các quan hội đồng thẩm án, nào là các người chứng, nào là bọn bị cáo, nào là quan chủ tọa, nào là trạng sư bên bị, hết thấy ai nấy cũng đều quả quyết mà chỉ ngay rằng ông Huấn chính

là một người trong bọn “thủ phạm”.

Mà dư luận dân gian cũng đều ngờ như vậy, đó là tôi không muốn nói rằng tin đích xác làm chi.

Những người An Nam biết rõ về vụ Phong Thạnh ai nấy cũng bảo rằng ông Ngô Văn Huấn là đồng lõa với Mã Ngân tức là Ban Tắc.

Có một điều mà tôi biết chắc là ông Huấn vốn bà con với nhà Huyện Lành là chủ đương kim của miếng đất đồng Nọc Nạn. Tôi tin rằng cũng vì bà ấy niết sách quá mà thành ra mới có cái vụ giết sơn đằm Tournier ở Phong Thạnh.

Vả lại, người ta vẫn đồn rằng ông Ngô Văn Huấn có làm nhiều điều tội ác giống như trong vụ Phong Thạnh nữa kia; song những tiếng đồn ấy có đúng hay không, bây giờ đây ta không cần xét đến.

Thế mà thuở giờ tuyệt nhiên có thấy ông Huấn dám mở miệng ra mà kháng cự hay là cãi chánh gì những tai tiếng ấy đâu!

Đến như những lời khai và cái thái độ của ông Huấn bữa ông hầu tòa đại hình Cần Thơ thì thật lại càng khiến cho người ta dễ ghét ông hơn nữa. Vô luận vô tội hay hữu tội, thế nào ông hội đồng quản hạt Ngô Văn Huấn cũng phải cắt nghĩa minh bạch về cách cử chỉ của ông trong khi ông còn ngồi chủ quận Gia-ray và đứng đầu hội đồng xét đất.

Ông phải cắt nghĩa cho các bạn đồng liêu của ông ở Hội đồng quản hạt biết, cho những người cử tri của ông biết, cho toàn thể nhơn dân Nam Kỳ biết, vì rằng cứ theo lời như tôi đây, thì tôi tưởng không sớm thì muộn, mấy ông hội đồng quản hạt An Nam cũng sẽ kêu ông Huấn ra mà chất vấn, những người cử tri của ông Huấn cũng sẽ mời ông ra mà hỏi han, toàn thể nhơn dân Nam Kỳ cũng không khi nào chịu để cho một người đã bị khắc tiếng

xấu như ông Ngô Văn Huấn đứng lên mà đại biểu đâu!

Này ông Huấn ơi, ở đời nếu quả như mình là trong sạch, thì bao giờ cũng phải tỏ ra cho người ta biết rằng mình là trong sạch đây; vậy tôi tưởng ông bây giờ chỉ có hai nước: một là phải minh oan, hai là phải từ chức.

Nếu ông không làm như vậy thì mấy ông hội đồng quản hạt kia họ có thể từ ông đi, mà tuyên bố ra rằng trước kia bởi họ lầm ông nên mới cho ông ra chung một sổ với họ. Những người cử tri của ông họ có thể bố cáo ra rằng trước kia bởi họ lầm ông mà cử ông là người không xứng đáng.

Thuở giờ ai nấy cũng vẫn tưởng ông là người lương thiện, mà bây giờ đây cũng không ai muốn tin ông là người gian ác làm chi, song có một điều là đối với những chuyện mà người ta đã vu cáo cho ông thì ông phải cãi lại làm sao chứ.

Bây giờ ai nấy đều đương chờ ông biện bạch. Đáng lẽ là ông phải biện bạch cho rạch ròi bữa ra giữa tòa đại hình Cần Thơ kia. Nhưng mà ông đã biện bạch không xong thì bây giờ người ta lại cho ông một kỳ hạn khác. Vậy thì còn đợi đến bao giờ kia ông mới chịu biện bạch hử?

Chớ tôi dám quyết rằng không lý nào ông lại chờ đợi cho đến lúc nhóm hội đồng quản hạt có một viên hội đồng Langsa đứng lên giữa họ mà la lớn lên ở trước mặt mấy ông dân biểu An Nam ta rằng: “Chúng tôi không thềm cãi lẽ với các anh nữa, bởi vì trong tụi các anh có một kẻ tội nhờn đã bị điểm nhục cả danh dự.”

Thôi chi nữa ông Huấn ơi! tôi nói lại với ông rằng: một là ông phải minh oan, hai là ông phải từ chức!”

Vả lại, cũng trong báo L' Echo số ra ngày thứ bảy 25 Aout 1928 vừa rồi, ông hội đồng

quản hạt Nguyễn Phan Long lại cũng có viết:

“...Chí như cái tội riêng của ông Ngô Văn Huấn, thì tôi đây cũng phải đồng tình với hết thấy những người đã có coi xử cái vụ án thê thảm kia mà thú thiệt rằng cái tội ấy thiệt không thể chối cãi đặng” (Quant à la responsabilité personnelle de M. Ngô Văn Huấn, je suis obiligé de convenir en mon âme et conscience, comme tous ceux qui, ont suivi les débats de cette triste affaire, qu'elle n'est pas niable).”

Ông hội đồng Long lại còn cho chúng ta hay rằng nguyên trong kỳ tuyển cử hội đồng quản hạt vừa rồi, ông ta đã cực lực phản đối với việc cho ông Huấn đứng tên chung trong sổ Lập hiến. Song bởi hồi đó phần đông người trong đảng Lập hiến muốn kéo ông Huấn vào thì ông Nguyễn Phan Long cũng đành phải chịu vậy!

Ấy đấy, ông Nguyễn Phan Long là một

người trong đảng Lập hiến, báo L'Echo An-namite là một cơ quan của đảng Lập hiến mà nay cũng đã công nhiên minh tội của ông Ngô Văn Huấn và khuyên nhủ ông Ngô Văn Huấn nên từ chức rồi đó.

Mà báo L'Echo làm như vậy là khôn lắm.

Tội lỗi của ông Huấn bây giờ đã hiển nhiên ra giữa muôn nghìn tai mắt, dầu một mình mấy tờ báo cơ quan đảng Lập hiến muốn che lấp mà được sao? Che lấp đã không được thì thà rằng nói trắng như thế còn hơn.

Đến như việc ông Ngô Văn Huấn từ chức, thì tôi tưởng cho dầu ông Huấn có không muốn đi nữa cũng không đặng với mấy ông trong đảng Lập hiến.

Tôi dám nói quyết rằng nếu ông Huấn không chịu từ chức, thì mấy ông trong đảng Lập hiến họ cũng sẽ cưỡng bách ông Huấn phải từ. Họ sẽ cưỡng bách ông Huấn phải

lui ra, chẳng phải vì danh dự riêng của ông Huấn, cũng chẳng phải vì thể diện chung của nhơn dân Nam Kỳ ta, mà chính là vì cái sanh mạng của đảng Lập hiến của họ.

Tôi nói rằng đuổi ông Huấn ra, tức là một cách bảo toàn cái sanh mạng cho đảng Lập hiến. Vì sao? Vì rằng, thiệt sử đảng Lập hiến chuyển nầy mà có điểm nhiên, là rồi đây nhơn dân Nam Kỳ quyết cũng chẳng để cho một người như ông Huấn thay mặt! Mà hễ chờ cho đến lúc nhơn dân ra tay mà hạ ông Huấn xuống thì tất nhiên cả đảng Lập hiến cũng phải theo ông Huấn mà nhào nghiêng!

Vẫn biết rằng trục một ông Huấn ra, đảng Lập hiến cũng vị tất đã đứng vững, song mà theo cái lẽ “lý sương kiên băng” thì đảng Lập hiến nên sớm mời ông Huấn ra là khôn hơn hết.

Vậy nên chúng tôi khen báo L' Echo là khen đã đi nước cờ cao trong khi đã gặp bí.

Duy có cụ Bùi ta³ và báo La Tribune Indochinoise thì thiệt là chương quá.

Cụ cũng chán biết rằng đảng Lập hiến mà chứa lỗ ông Ngô Văn Huấn thiệt là một cái nguy to cho đảng và thế nào rồi đây cụ cũng không dám liên lạc mãi với ông Huấn chớ phải.

Thế mà từ đầu chí cuối, chúng tôi năn nỉ cụ cách mấy cụ cũng không nghe; từ đầu chí cuối vụ Phong Thạnh, báo Tribune vẫn hết sức che lấp tội lỗi giùm cho ông Huấn.

Sức giả là đến giờ nầy đây, tòa Cần Thơ đã xử vụ Phong Thạnh rồi, các báo đã kỹ thuật (biên chép tường thuật lại) rõ ràng rồi, mà cụ cũng cứ một mực bưng bít miệng bình về chỗ ông bạn Ngô Văn Huấn.

Tội nghiệp quá! Thời cụ cứ nói thiệt ra như báo L'Echo Annamite có đăng không?

3 Đây là nói về Bùi Quang Chiêu (1873-1945), khi đó là chủ bút La Tribune Indochinoise.

Ủ, chúng tôi vẫn biết rằng trong vụ này, cụ có bị cái “tịt” là đã đem một người yêu ng-
hiệt như ông Ngô Văn Huấn mà giới thiệu
với quốc dân ta, cụ đã từng bảo quốc dân ta
rằng: “Nầy ông Ngô Văn Huấn là người đảng
Lập hiến đấy, là xứng đáng lắm đấy, quốc dân
cứ việc cử đi”.

Nhưng mà, bầm cụ, cái đó chúng tôi tưởng
có làm sao; trước kia cụ đã đứng giới thiệu
ông Ngô Văn Huấn, ngày nay dẫu cụ có nói
thiệt chuyện ông Huấn đi nữa, thì trong quốc
dân những người nào chấp nhứt bất quá họ
sẽ cho cụ là lường gạt quốc dân là cùng!

Chớ trong vụ này, chúng tôi là đứng vào
cái địa vị bàng quan, chúng tôi xin lấy lòng
chơn thành mà thưa với cụ rằng: Kể tội như
Ngô Văn Huấn bây giờ đã như con voi mà
tờ Tribune của cụ, chẳng qua lớn chỉ bằng
cái thúng. Xin cụ đừng có xách cái thúng Tri-
bune theo úp mãi con voi Ngô Văn Huấn mà

anh em trong quốc dân chúng tôi tức cười
lắm cụ!

K.

(Bài báo ký K., có thể của Diệp Văn Kỳ,
cũng có thể của Phan Khôi)

6. CẤM SÁCH, SÁCH CẤM

của Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 763 (1.9.1928)

Ở vào thế kỷ hai mươi, là thế kỷ mà thiên hạ làm phách, hô lớn lên hai chữ tự do, nói rằng đâu đâu cũng phải tôn trọng sự tự do, đâu đâu cũng phải tôn trọng quyền ngôn luận, quyền xuất bản nầy, bỗng dưng nghe đến hai chữ “cấm sách” thì há chẳng phải là một sự lạ hay sao? Song le, là lạ cho ở xứ nào kia, còn xứ nầy, sự ấy đã ra như cơm bữa rồi, không còn lạ gì nữa.

Sự cấm sách đã không phải là lạ, thì dầu viết ra một cuốn sách mà bàn về sự ấy, chắc cũng không ai cho là lạ, huống chi viết sơ một vài cột báo mà bàn, thì lại là sự rất thường.

Duy có một vài cột báo, viết thế nào mà có hiệu lực mạnh làm sao, đến nỗi ngày nay báo ra, ngày mai phế lệnh cấm sách, nếu được vậy thì lại là sự lạ hơn.

Nhưng mà có đâu! Chúng tôi làm gì có phép thông thần ấy? Mà dầu cho ai nữa cũng không có.

Vậy thì chúng tôi viết đây để làm chi? Định nói cái gì?

Không, chúng tôi nói rất tầm thường, không có gì lạ. Như một đứa con nít khi kẻ lớn bảo ngồi yên trên giường thì chúng tôi cũng ngồi yên, không dám vùng dậy chạy, song chỉ lấy tay mó máy cái này cái kia, hay là rúc rích đôi chút mà thôi.

Vài năm nay, cả ba kỳ ta nơi nào cũng có cấm sách, mà cấm nhiều nhất là Trung Kỳ rồi đến Bắc Kỳ, vậy phải lấy tình thiệt mà khai rằng ở Nam Kỳ có rộng rãi hơn, có dễ thở hơn.

Ấy nhưng mà phân biệt như vậy có làm gì, hễ đã cấm thì bất luận ít nhiều, đều mang tiếng chung là cấm sách cả.

Mà có mang tiếng cũng không làm sao, có ngại gì cái đó. Không lẽ muốn tránh tiếng rồi để cho những sách bậy bạ được lưu hành tự do mà không cấm.

Ừa mà có sách gì lại là sách bậy bạ? Dân thơ chẳng? Yêu thơ chẳng? Không biết. Hễ cho là bậy bạ thì nó là bậy bạ.

Cấm thì cấm. Nhưng mà tốt hơn là nên cho biết tại làm sao mà cấm.

Một cuốn sách, in ra cốt để bán, cũng như

con người có chơn để đi xứ nọ xứ kia. Nay ví phỏng an trí một người nào ở một nơi mà không cho đi đâu, thì người ấy tức là người có tội rồi, mà trước khi an trí đó, tòa án phải tuyên minh tội trạng của người ấy. Cấm một cuốn sách mà không cho bán, cũng vậy, cũng nên tuyên minh tội trạng của nó.

Hiện nay có nhiều cuốn sách bị cấm mà không hiểu vì có gì. Mà cũng không ai đem sự ấy ra kêu nài. Phải, không kêu nài là phải, vì có buộc tội thể nào đó, thì mới có chỗ đòi co; còn như cứ chiếu theo đạo luật chỉ có một chữ — chữ CẤM — mà thi hành, thì còn ai nói năng gì được nữa?

Hay là không cho ai nói năng gì được như vậy là đặc sách? Có lẽ. Nhưng mà thường thường hễ người ta không nói ra cho hả hơi được thì lại cứ bực tức trong lòng.

(Tòa kiểm duyệt bỏ hết một đoạn)

Mà chưa biết chừng, hoặc giả vì sách vở đặt câu không nên thân mà cấm đi chẳng; nếu vậy thì lại là may phước cho học giới ta biết chừng nào.

Trên đó là cấm sách; dưới đây là sách cấm.

Một cuốn sách, bất kỳ nội dung nó ra làm sao, cứ để yên không cấm thì người ta coi như thường. Dầu có lắm người khích thích vì nó chẳng nữa, song cũng còn có lắm người coi như thường. Đến cấm đi một cái, thì hết thấy ai nấy đều chú ý vào nó. Cấm đi, là muốn cho người ta đừng đọc, mà không ngờ lại làm cho người ta càng đọc!

Người ta nói rằng một pho tượng gỗ đã sơn thếp rồi mà chưa khai quang điểm nhãn thì nó chưa linh, đến chừng khai quang điểm nhãn rồi thì nó mới linh. Ấy vậy, cấm cuốn sách nào, tức là khai quang điểm nhãn cho cuốn sách ấy.

Cho nên ở ta đây đã có nhiều sách linh lắm, có nhiều cuốn đã hiển thánh rồi. *Việt Nam vong quốc sử* và *Hải ngoại huyết thư* đã hiển thánh hai mươi năm nay; còn mới đây *Một bầu tâm sự* cũng đòi đập đồng ngang lên nữa.

Thiên hạ họ mua sách cấm mắc tiền lắm, thường giá mắc gấp đôi lúc chưa cấm, lâu ngày, rồi đến gấp mười gấp trăm. Tức như dân An Nam là dân không ham đọc sách, hay tiếc tiền, mà đến sách cấm thì cũng trần trọc trần xa mua cho được. Mua rồi đọc chùng đọc vụng, ai biết đâu mà bắt.

Người Tàu đương đời Mãn Thanh, vào khoảng Khương Hy, Kiến Long, có nhiều bộ sách bị cấm, mà cấm chùng nào thì người ta lại càng đọc và càng lấy làm thích chùng nấy. Có người đời bấy giờ đã nói: “Các cái vui ở thế gian không cái nào bằng trong đêm có

tuyết, đóng cửa lại mà đọc sách cấm”. (nguyên văn bằng chữ Hán: Thiên hạ chi lạc mạc quá ư tuyết dạ bế môn độ cấm thơ).

Ở đất nhà Nam ta, chỉ có mây mù mà không có tuyết, làm cho giảm mất cái thú vui trong khi đọc sách cấm. Song le, đã có cái thú khác thế vào. Có người đã phát minh ra được và nói rằng: “Không có cái thú gì bằng cái thú trong lúc trời mưa, đóng cửa cho chặt lại, rồi.....đọc sách cấm!”

Cái thế lực của sách cấm là như vậy, còn cấm sách nữa thôi? ...

C.D.

7. DÂN ĐÔNG PHÁP ĐỪNG KÊU! TRONG MỘT LÚC MÀ CÓ HAI ÔNG THỦ HIẾN

của Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 774 (27.9.1928)

Theo ngày xưa, trong nước Việt Nam không có thể cùng một lúc mà có hai ông vua. Song ngày nay, trong xứ Đông Pháp, có thể cùng một lúc mà có nhiều quan thủ hiến.

Nói rằng nhiều, cũng quá. Hai ông đã là nhiều lắm rồi.

Ai cũng biết rằng hiện nay ông Robin

đương quyền toàn quyền Đông Pháp, ngài sẽ ở ngôi cho đến ngày nào có quan toàn quyền thiết thọ (thực thụ) đến mới thôi.

Ai lại cũng biết rằng ông Pasquier, hiện ở bên Pháp, từ tháng Août đã được bổ làm toàn quyền Đông Pháp rồi, song ngài chưa qua.

Mới đây lại có tin rằng quan toàn quyền Pasquier tuyên ngôn rằng ngài còn ở nán lại bên Pháp cho đến tháng Décembre.

Theo lời ngài, tháng Décembre mà còn ở bên Pháp, thì cho giỏi lắm đi nữa cũng đến cuối tháng Janvier sang năm mới qua tới đây.

Từ tháng Aout đến tháng Janvier, bấm đốt ngón tay, vừa tròn sáu tháng; muốn nói cho gọn thì là nửa năm.

Trong nửa năm ấy dân Đông Pháp ta có hai quan thủ hiến: một ông ở bên này, một ông ở bên kia.

Số tổng dự toán Đông Pháp trong sáu tháng ấy phải cấp bổn hai số tiền bằng nhau cho hai ông toàn quyền: một ông quyền, một ông thiệt thọ.

(Tòa kiểm duyệt bỏ hết một đoạn)

Nói riêng về phần quan toàn quyền Rob-in. Từ ngày ngài tựu nhiệm đến nay, làm biết bao nhiêu là công việc. Túc như mới rồi, ngài đi vô Sài Gòn, rồi trở lên Đà Lạt, trở ra Huế nữa, nay ngài đã trở về đến Hà Nội rồi. Trong khi đi châu du đó, tưởng là ngài thông thả lắm sao, mỗi một tắc đường là ngài để ý lo cho việc dân Đông Pháp.

Chứng quan toàn quyền thiệt thọ Pasquier qua đến đây, dân Đông Pháp sẽ còn thấy nhiều sự khoái hơn.

Cứ theo lời ông Pasquier đã nói với viên thông tín của nhà báo kia thì hiện nay ở bên Pháp, ngài đương nghiên cứu nhiều vấn đề

quan hệ cho cỏi Đông Pháp, loại như cái chế độ khản đất, vấn đề tiền tệ, vấn đề thuế thương chánh v. v..., nhứt là ngài đương trừ tính đảng tổ chức ngay một cuộc công trái tám chục triệu đồng liền sau khi hạ xa ở Đông Pháp, nói rằng để làm đường xe lửa và các việc khác.

Lợi nhứt cho dân Đông Pháp là sự làm đường xe lửa. Song, có một điều là, số tổng dự toán nghèo lắm, cho nên chánh phủ phải vay.

Nghèo thì nghèo, song cũng nên ráng mà chịu trong sáu tháng để mong có ngày được lợi lớn!

C.D.

8. TƯ TƯỞNG CỦA TÂY PHƯƠNG VÀ ĐÔNG PHƯƠNG

của Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, các số 774 (27.9.1928) và 776 (2.10.1928)

Hiện trong thế giới có hai thứ văn minh, là văn minh Tây phương và văn minh Đông phương. Hai cái văn minh ấy khác nhau là do tại hai đảng tư tưởng khác nhau. Tây phương gồm cả các nước châu Âu châu Mỹ mà nước Pháp là một; Đông phương gồm cả các nước châu Á, mà nước ta là một. Tư tưởng của Tây phương phát nguyên từ Hy Lạp, La Mã, Hê-bơ-rơ, song bây giờ đã hỗn thành ra một nền tư tưởng Tây phương, nên

ở đây gọi chung là tư tưởng Tây phương. Tư tưởng Đông phương có hai tua lớn, một là Ấn Độ, một là Tàu, mà ta thuộc về tua Tàu, nên ở đây chỉ lấy Tàu làm trọng.

Người ta thấy bên Tây về đường vật chất phát đạt tinh xảo hơn bên Đông, rồi cho rằng văn minh Tây phương là vật chất văn minh, còn văn minh Đông phương là tinh thần văn minh. Nói như vậy là lầm. Những cái thuyết tự do bình đẳng, là phần hệ trọng nhứt trong văn minh Tây phương, chẳng phải tinh thần là gì? Bên nào cũng có tinh thần vật chất cả, chẳng qua vật chất tùy theo tinh thần của mỗi bên mà hiện ra hai vẻ khác nhau. Cái tinh thần ấy tức ở đây tôi gọi là tư tưởng.

Ba điều tôi sắp giải ra dưới nầy chỉ là từ trong hai cái văn minh ấy mà rút ra mỗi bên ba cái yếu điểm; ngoài ra, mỗi cái văn minh hoặc giả đều có chỗ hay chỗ dở thì tôi không kể đến. Tôi cũng không có ý so sánh bên nào

hơn, bên nào kém; cốt muốn tỏ ra cho biết hai bên trái ngược nhau, không thể dung nhau mà thôi.

1. - Tây phương chuộng khoa học, Đông phương chuộng huyền học. - Theo ý người phương Tây, mọi sự vật trong thế gian bất kỳ lớn hay nhỏ, thấy được hay không thấy được, hễ mình muốn biết thì phải biết cho đến nơi, cho đâu ra đó, chớ không được mập mờ, không được lộn xộn. Bởi vậy họ phải làm ra cái cách để mà biết. Đối với một sự vật gì, họ cứ nhặt lấy những cái kinh nghiệm mỗi khi một ít, những cái tri thức mỗi nơi một chút, rồi quán thông lại, lập ra những cái nguyên tắc, công lệ, và những cái thuyết có thống hệ, mà ai cũng không cãi được nữa, thì bấy giờ sự biết mới đích xác và sự học về sự vật ấy mới thành. Ấy gọi là khoa học.

Ở phương Tây bây giờ hầu như mỗi một sự vật gì là có một khoa học. Không những

thiên văn, địa văn, quang, điện, chánh trị, pháp luật có khoa học mà thôi; cho đến nuôi gà, trồng rau cũng có khoa học nữa. Triết học ngày xưa đứng ngoài khoa học, mà bây giờ người ta cũng dùng phương pháp khoa học để nghiên cứu triết học. Họ chia khoa học ra làm ba loại: là Tự nhiên khoa học, Xã hội khoa học và Tinh thần khoa học. Những tên riêng từng khoa thì nhiều lắm, không hơi sức đâu mà kể.

Đây cử ra một khoa y học để cho biết cái vẻ khoa học của họ là thế nào. Y học lại gồm có nhiều khoa học khác nữa, nào là: Sanh lý học (Physiologie) dạy về sự kết cấu và tác dụng của các cơ thể (các cơ quan trong cơ thể) trong mình người ta; Giải phẫu học (Anatomie) dạy về từng cái xương từng mạch máu trong mình người ta; Bệnh lý học (Pathologie) dạy về các chứng bệnh; Dược vật học dạy về các vị thuốc; tất phải biết ngần ấy khoa học mà thiết hành ra được đã rồi mới

làm nên thầy thuốc. Đến khi chữa bệnh, thầy thuốc nói bệnh tại tim, ấy là trái tim thiệt bị đau; nói bệnh tại phế, ấy là phổi thiệt bị đau. Đau tim đau phổi cách làm sao thì uống thuốc gì, đều có phương nhứt định cả, phải theo khoa học chứ không được theo ý riêng của thầy thuốc.

Tóm lại, người phương Tây biết được sự vật gì đều là do khoa học cả. Khoa học đã thành ra như cái tánh riêng của họ.

Sự học phương Đông thì thật là mê mông và mầu nhiệm. Kẻ học cứ sách mà đọc tràn đi rồi hiểu được chừng nào thì hiểu. Những sự vật mà ta muốn biết, tán mạn ra trong sách mỗi nơi một ít, không có xâu suốt lại thành từng món một, và cũng không có đặt ra phương pháp gì để noi đó mà tìm tòi. Sách thì dạy trước bác mà sau ước. Kinh Thư nói vô số là chuyện, rồi ước lại một chữ Trung, Kinh Lễ nói vô số là chuyện rồi ước lại một chữ Kính; bác thì cực kỳ là bác, mà

ước thì cực kỳ là ước (Bác: rộng; ước: tóm tắt gọn lại). Đến Kinh Dịch mới là ảo diệu vô cùng: quẻ Kiển có nói đến “rồng bay” (long phi), mà kỳ thiết không phải là rồng bay; quẻ Khôn có nói đến “ngựa cái” (tấn mã), mà kỳ thiết không phải là ngựa cái; chẳng qua nói bóng vậy thôi, không khác nào “con rồng có bảy đầu mười sừng” và “con thú ở dưới đất lên” đã nói trong sách Khải huyền của kinh Tân ước. Sách Xuân thu cũng vậy, nói “Doãn thị chết” song không trọng tại Doãn thị chết mà trọng tại cái ý chê thế khanh; nói “thiên vương đi săn”, song không phải đi săn mà là bị chư hầu bắt hiếp. Càng những chỗ sâu hiểm éo le như vậy, thì lại càng tôn cho là vi ngôn đại nghĩa. Cứ theo sách thì những âm dương, ngũ hành, cũng đều là những cái giả tượng mà thôi, chớ không phải chỉ ngay về hiện trạng và thiết tế mà ta ngó thấy đâu. Vì vậy cho nên gọi là huyền học.

Người nào đã chịu phép “báp tem” của

huyền học rồi thì ra làm việc gì cũng đều được cả, bất cứ việc gì, vì “vận dụng do ư nhứt tâm”. Một ông quan có thể coi việc bộ Hộ rồi coi việc bộ Hình, luôn cả sáu bộ cũng được, và có khi ra làm tướng đánh giặc cũng xong. Còn các nghề thợ thì nhứt thiết không có học gì cả, hễ tập quen thì làm được, ăn thua nhau là tại cái sáng dạ.

Nói đến nghề làm thuốc của ta mới càng tỏ ra cái vẻ huyền học, và để cho nó phản chiếu lại nghề làm thuốc của Tây vừa nói trên kia. Bắt đầu dạy về ngũ tạng: tâm, can, tì, phế, thận, thì dạy rằng nó hiệp với ngũ hành, phối với ngũ vị, ứng với ngũ phương và tứ thời. Dạy về dược tánh thì: một vị bạch truật mà chủ cả công cả bổ, đã kiện tì cường vị, lại trị thấp, bí, hư đàm; can cương sao hắc thì nhập thận; hỏi tại làm sao thì bảo rằng vì “thận thuộc thủy, kỳ sắc hắc”.

Những điều ấy nếu bắt cứ theo phương pháp khoa học mà giải nghĩa thì không tài

nào giải ra được. Đến lúc trị bệnh, thầy thuốc nói là bệnh phong, nhưng phong đó không phải là gió; nói là bệnh thấp, nhưng thấp đó không phải là ẩm ướt; thậm chí nói bệnh tại phế, tại can, nhưng thiệt không phải là đau phổi hay đau gan. Những chữ phong, thấp, phế, can đó chẳng qua là một thứ chữ trừu tượng (Abstrait) chứ không phải cụ thể (Concret). Còn đến cho thuốc thì cùng một bệnh mà mỗi thầy đi một mặt: thầy thì hàn, thầy thì nhiệt, thầy thì bổ hỏa, thầy thì lợi thủy, thầy thì ít vị, thầy thì nhiều vị, mỗi thầy đều kê phương dụng được theo ý mình. Ôi! huyền diệu là dường nào!

Đại ý huyền học không lấy khách quan mà xem xét mọi sự vật, chỉ lấy chủ quan mà ứng tiếp nó. Kẻ học, sau khi đã học nhiều rồi, đã hội được vạn lý vào nhút tâm rồi, thì có thể đem cái tâm ấy ra mà đối phó với mọi sự vật chứ không theo y như sự mình đã học; như vậy sách Nho gọi là “thần nhi minh chi”.

Ấy huyền học tương phản với khoa học là tại đó.

2. - Tây phương trọng tự chủ, Đông phương trọng thống thuộc. - Chữ tự chủ ở đây nghĩa là mỗi người làm chủ lấy mình, cũng tức là cá nhân chủ nghĩa. ở phương Tây, nói rằng “một người”, nghĩa là đối với thế giới, đối với quốc gia mà nói, chớ không phải phẩm nhiên. Đã gọi là người, thì người nào cũng vậy, ai ai cũng có cái địa vị cái tư cách đối với thế giới đối với quốc gia, thật như ta thường nói “đội trời đạp đất ở đời”. Như vậy, người nào tự chủ lấy người ấy, không ai thuộc về ai cả.

Bởi đó mới có sự tự do. Một người đã tới tuổi thành nhân rồi thì không còn ở dưới quyền cha mẹ nữa. Mà cũng không ở dưới quyền chánh phủ hay là dưới quyền ông nguyên thủ, song chỉ ở dưới quyền pháp luật. Một người được y theo trong vòng pháp luật mà tự do. Pháp luật cho mọi người được tư

tưởng tự do, ngôn luận tự do, cư trú tự do,... những quyền tự do ấy, người khác - dầu là cha mẹ nữa - không được can thiệp đến. Pháp luật đặt ra cốt là hạn chế sự tự do của từng người để bình vực sự tự do cho từng người.

Lại bởi đó mới có sự bình đẳng. Mọi người đối với quốc gia xã hội đều có nghĩa vụ và quyền lợi bằng nhau. Ai nấy đều phải nộp thuế, đều phải đi lính, thì ai nấy đều được hưởng quyền tự do của pháp luật. Trước mặt pháp luật, ai cũng như nấy, hễ có tội thì bị phạt, không cứ ông nguyên thủ hay là người bình dân. Pháp luật đặt ra cũng cốt để duy trì sự bình đẳng giữa từng người.

Bởi mỗi người đều có địa vị tư cách vững vàng, tự chủ lấy mà không xâm phạm đến ai như vậy, cho nên khi hiệp với nhau thành đoàn thể thì chỉnh tề và ổn kiện lắm. Quốc gia, tức là của chung của quốc dân; hội xã tức là của chung của hội viên; đối với quốc gia xã hội ai có bốn phận gì thì làm hết bốn phận

ấy, có lợi ích thì mọi người cùng hưởng. Mới nghe họ nói những là “quốc gia lợi ích, xã hội lợi ích” thì tưởng là xung đột với chủ nghĩa cá nhân, mà xét kỹ ra thì những cái lợi ích ấy cũng chỉ là lợi ích cho từng người vậy.

Các nước bên Tây đều dùng cái chánh thể lập hiến, cộng hòa được, là nhờ họ sẵn có cái tư tưởng như đã nói trên đó. Cái tư tưởng ấy tức là cái tinh thần dân chủ.

Nói đến Đông phương. Theo cái ý nghĩa chữ “một người” ở phương Tây, thì ở phương Đông, trừ ông vua ra, hầu như không có “người” nào hết. Bởi vì “xuất thổ chi tân, mạc phi vương thân”, ai cũng là thân thiếp của vua, ai cũng là dân của vua. Cứ như sách dạy, nhân thân không được tư giao với ngoại quốc, ấy là không có tư cách đối với thế giới; thứ nhân không được nghị luận việc chánh, ấy là không có tư cách đối với quốc gia. Bởi vậy ai nấy phải nộp của cải cho vua, nộp cả đến thân mình nữa; vua thương thì nhờ, bằng

vua không thương mà giết đi cũng phải chịu. Như vậy gọi là trợn cái bốn phận thờ bề trên; như vậy gọi là thiên kinh địa nghĩa.

Không những thuộc về vua mà thôi, ai còn có cha mẹ đến chừng nào thì phải kể cái thân mình là của cha mẹ đến chừng nấy. Lại không những cái thân mà thôi, mình dầu có của cải, có vợ con, cũng phải kể là của cha mẹ. Theo kinh Lễ dạy: Con yêu vợ mà cha mẹ ghét, thì con phải để vợ (bỏ vợ, ly dị vợ) đi; con ghét vợ mà cha mẹ yêu, thì con phải hòa thuận với vợ. Lại dạy: có dư của thì nộp cho tông, thiếu thì lấy của tông. Tông là người tông chủ trong gia đình, tức là cha mẹ. Còn chưa kể đến những lời tục thường nói “Cha mẹ đặt đâu ngồi đó, bảo chết hay chết, bảo sống hay sống” thì lại còn nghiêm khắc quá nữa.

Trọng nhứt là vua và cha mẹ, rồi thứ đến quan, làng, họ, cũng đều có quyền trên một người. Quan, nào có phải một ông, có đến

năm bảy lớp, cứ dùi đánh đục, đục đánh sàng, rút lại trăm sự chi cũng đổ trên đầu người dân cả. Người trong làng thì kể như con của làng, cho nên nói rằng “con làng nhờ làng”. Người trong họ đối với họ cũng vậy.

Ấy vậy, lấy ra một người ròng rặt Đông phương mà nói, thì người ấy không tự mình làm chủ lấy mình được; song là thuộc về vua, về cha mẹ, về quan, về làng, về họ, nếu là đàn bà thì còn thuộc về chồng nữa.

Bởi có ấy, trong xã hội ta như một cái thang có nhiều nấc. Nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người không đồng nhau: người trên đối với người dưới không có nghĩa vụ; còn ai có nhiều quyền hơn thì được hưởng nhiều lợi hơn. Pháp luật đối với mọi người thì tùy từng bậc mà khác: cùng phạm một tội mà dân bị phạt trọng (nặng), quan được phạt khinh (nhẹ); cùng phạm một tội mà kẻ thứ ấu bị phạt trọng, kẻ tôn trưởng được phạt khinh. Theo Tây phương, như thế là bất bình đẳng;

song theo Đông phương thì như thế là có trật tự.

Một đảng thì trọng tự chủ, một đảng thì trọng thống thuộc, hai đảng tư tưởng khác nhau, cho nên trình bày ra hai cái xã hội khác nhau. Xã hội Tây phương thì như bầy chim sẻ, con nào cũng một lứa như con nào, và con nào cũng tự kiếm ăn cho con nấy, song cũng hiệp nhau thành bầy. Xã hội Đông phương thì như bầy kiến, có con lớn con nhỏ, con lớn giữ phần cai quản, con nhỏ lo việc đi kiếm ăn, song cũng hiệp nhau thành bầy.

3. - Tây phương quý tấn thủ, Đông phương quý an phận - Bên phương Tây hay có những người đi bộ quanh trái đất một vòng, đi tìm đất mới, đi thám hiểm đến Nam cực, Bắc cực, là vì họ có cái tư tưởng trọng sự tấn thủ. Họ không chịu đầu hàng cảnh ngộ và sức tự nhiên, mà lại cố chiến thắng cảnh ngộ và sức tự nhiên. Họ không tin có số mạng;

dầu biết có số mạng chẳng nữa, họ cũng lo làm cho hết sức mình.

Vì có cái tinh thần tấn thủ, muốn chiến thắng sức tự nhiên mà lợi dụng nó, nên mới sanh ra các thứ khoa học và làm được những công trình to tát, như là dùng điện khí, hơi nước, bắc cầu trên sông lớn và đặt đường hỏa xa xuyên qua núi, v.v...

Người Đông phương chỉ muốn sống cách làm sao cho êm đềm lặng lẽ. Trời bắt thế nào thì hay thế: “Bắt phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao”. Sách Nho dạy phải “lạc thiên an mạng”, sách Lão dạy phải “tri chỉ tri túc” đều là ý ấy. Trái các đời, những ông vua nào hay đi chinh phục các nước xa, thì bị chê là cùng binh độc võ; những người nào có chí lớn cử đồ việc lớn, thì người ta cho là không biết an thường thủ phận. Ai nấy đều lấy sự ở nhà làm sướng, đi ra làm khổ; đến ông Lão Tử thì lại còn muốn

ai ở đâu ở đó, đến già đến chết không qua lại nhau (lão tử bất tương vãng lai) nữa kia!

Đối với sức tự nhiên, người phương Đông không dùng chước chiến mà dùng chước hòa; cũng lợi dụng nó mà lợi dụng một cách khác. Một hòn núi to và cao, người Tây có thể vỡ thành đường quanh theo chơn nó mà đi, người Đông thì cứ để vậy mà trèo ngang qua; một cái thác, người Tây có thể dùng sức chảy của nó dựng nên bộ máy mạnh mấy ngàn ngựa, người Đông thì không, chỉ dùng làm chỗ ngắm cảnh và ngâm thơ. Cho nên phương Đông khó lòng mà nảy ra khoa học được; mà như vậy thì cũng không cần dùng khoa học làm gì nữa.

Xem ba điều trên đây thì thấy ra hai cái tư tưởng Đông và Tây nó phản đối nhau như phương nam với phương bắc, như mặt trăng với mặt trời. Nay ta nếu muốn theo cách sanh hoạt mới của Tây phương, mà ta lại còn giữ cả tư tưởng cũ của Đông phương thì quyết

không có thể được. âu là phải dứt bỏ tư tưởng cũ của ta mà theo tư tưởng của Tây phương, thì mới hiệp với cách sanh hoạt mới của ta.

(Sẽ xem bài Bác cái thuyết tân cựu điều hòa tiếp theo bài này)

C.D.

9. MỘT BÀI VẬN VĂN RẤT CÓ GIÁ TRỊ VỀ LỊCH SỬ: HÀ NỘI CHÁNH KHÍ CA

của Phan Khôi.

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 777 (4.10.1928). Các chú thích dưới đây đều là nguyên chú của Phan Khôi.

Năm Tự Đức thứ 35 (1882) là năm Nhâm Ngọ, cách nay 48 năm, Hà Nội thất thủ, quan tổng đốc bấy giờ là cụ Hoàng Diệu tử tiết. Sau khi cụ thác mấy ngày thì ở Hà Nội có bài nầy truyền ra; và người ta đọc lại đọc đi cho đến bây giờ.

Trước khi Văn Thiên Tường chết theo nhà Tống, có đặt một bài ca gọi là Chánh khí ca, kể sự mình giúp vua nhà Tống không thành công và phải chết, chớ không chịu hàng nhà Nguyên. Hà Nội Chánh khí ca là do nghĩa đó và nói việc xảy ra ở Hà Nội.

Bài này, theo người ta nói, của ông Ba Giai là một nhà văn sĩ ở Hà Nội lúc bấy giờ làm ra.

Một bài văn đã hay lại có quan hệ nhiều về lịch sử, mà xưa nay chưa được in ra, thì chắc truyền không được rộng, và có ngày sẽ mất đi, là ngày nếu người ta quên nó ráo. Vì nghĩ như vậy chúng tôi mới đem đăng báo để truyền lại cho đời sau một cái sử liệu.

Trong bài này có một vài chỗ nói lời quá đáng, song chúng tôi cũng cứ để y nguyên văn, không đẽo gọt chút nào cả; chúng tôi tưởng để y như vậy chẳng những vô hại, mà lại hơn đó được biết tâm lý của người mình

lúc bấy giờ đối với nước Pháp thế nào.

Những chỗ nào trong bài cần phải chú thích thì chúng tôi sẽ chú thích ra đây. Không dám nói là đã tường tận, song chỉ biết được chừng nào thì chú thích chừng ấy.

C.D. cần chỉ

*Một vùng chánh khí lưu bình,
Rộng trong trời đất, nhứt tinh sơn hà,
Hạo nhiên ở tại người ta,
Tắc vuông son sắt hiện ra khi cùng⁴.
Nên thua theo vận truân phong,
Ngàn thu rạng tiếng anh hùng sử xanh.
Có quan tổng đốc Hà Ninh
Hiệu là Quang Viễn, trung trinh ai bằng⁵?
Lâm nguy, lý hiểm đã từng,
Vâng ra trọng trấn mới chừng ba năm.
Thôn hồ dạ những chăm chăm,*

4 Đây nhắ lên lấy đại ý trong bài Chánh khí ca của Văn Thiên Tường.

5 Cụ họ Hoàng tên là Diệu, tự là Quang Viễn, người làng Xuân Đài tỉnh Quảng Nam, có đậu cử nhân và phó bảng.

Ngoài tuy giao thiệp, trong cầm những là...
 Vừa năm Nhâm Ngọ, tháng ba,
 Rạng ngày mồng tám, mới qua giờ thìn,
 Biết cơ trước đã giữ gìn,
 Hơn trăm võ sĩ, vài nghìn tinh binh⁶.
 Tiên nghiêm lên đóng trên thành,
 Thệ sư⁷ rót chén rượu quỳnh đầy vơi.
 Văn quan võ tướng nghe lời,
 Ai ai xin quyết một bài tận trung.
 Ra uy xuống lệnh vừa xong,
 Bỗng nghe ngoài đã ùng ùng pháo ran.

(Tòa kiểm duyệt bỏ hết một đoạn)

Bắn ra nó chết cũng nhiều⁸
 Phố phường trông thấy, tiếng reo âm âm!

6 Tháng hai năm ấy, đại tá Henri Rivière đem hai chiếc tàu và mấy trăm lính ở Sài Gòn ra Hải Phòng, rồi lên Hà Nội, đóng ở Đồn Thuỷ. Cụ Tổng đốc thấy vậy thì sửa sang thành trì để phòng bị. Đại tá không ứng. Ngày mồng 8, lúc 5 giờ sáng, đưa tối hậu thư, hẹn đến 8 giờ không đầu thì đánh.

7 Nghĩa là thể với quân lính

8 Có người đã chứng kiến trong khi giao chiến, nói rằng bấy giờ trong thành bắn ra, lính Pháp chẳng chết mấy; đấy là lời nói khoe đó thôi.

Quan quân đặc chí bình tâm,
Trên thành Cửa Bắc vẫn cầm vững binh⁹.

.....

Không ngờ thất ý tại ta,
Vẫn rằng thắng trận, hóa mà thua cơ!
Nội công phải những bao giờ,
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngã theo¹⁰

.....¹¹

Nào ai sức mạnh gan liền?
Nào ai cầm vững cho bền ba quân?
Nào ai có chí kinh luân?
Nào ai nghĩ đến thánh quân trên đầu?
Một cơn gió thảm mưa sầu,
Đốt nung gan sắt, giải dầu lòng son,
Chữ trung còn chút con con,
Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây¹².

9 Bảy giờ bốn ông quan tỉnh chia giữ bốn cửa, quan Tổng đốc giữ Cửa Bắc.

10 Hai bên giao chiến từ 8 giờ đến 11 giờ thì kho thuốc súng trong thành phát hỏa, quân lính rối loạn, bèn đổ chạy. Theo đây thì như có người làm nội công, đốt kho thuốc; song không phải, đó là lửa ngoài bắn vào.

11 Quân Pháp leo vào thành từ phía tây.

12 Cụ Tổng đốc Hoàng cỡi giầy thắt lưng bằng nhiều điều ra tự ái trên nhành cây táo trước mặt Võ Miếu.

Trời cao, biển rộng, đất dày,
 Non Nùng sông Nhị chốn nầy làm ghi!
 Than ôi trong lúc gian nguy!
 Đau lòng ai cũng thương vì người trung!
 Rủ nhau tiền góp của chung,
 Rước người ra táng ở trong học đường¹³.
 Đau đớn nhẽ! ngăn ngở đường!
 Tả tơi thành quách, tồi tàn cỏ hoa!
 Kể từ năm Dậu bao xa¹⁴,
 Đến nay tính đốt phỏng đà mười niên.
 Long thành thất thủ hai phen,
 Kho tàng hết sạch, quân quyền đời tan.
 Đổi thay trái mấy ông quan,
 Quyền sanh tịu nghĩa, có gan mấy người?
 Trước, quan Võ Hiển khâm sai¹⁵
 Sau, quan Tổng đốc một vài mà thôi.
 Ngoài ra võ giáp văn khôi,
 Quan bào trâm hốt nhác coi ngờ là...

13 Bấy giờ quyền táng ngài trong trường Đốc; sau đó ba tháng mới đưa quan tài về Quảng Nam.

14 Năm Tân Dậu, Tự Đức thứ 25 (1873), Hà Nội bị thất thủ một lần rồi, lần nầy là lần thứ hai.

15 Tức là cụ Nguyễn Tri Phương uống thuốc độc mà chết theo thành Hà Nội thất thủ lần thứ nhứt.

Thanh bình làm hại dân ta,
Túi tham vơ nhặt chẳng tha miếng gì.
Đến khi hoạn nạn gian nguy,
Mắt trông ngơ ngác, chớn đi gập ghình.
Võ, như đề đốc Lê Trinh,
Cùng là chánh phó lãnh binh một đoàn,
Đương khi giao chiến ngang tàng,
Thấy quân hầu đồ vội vàng chạy ngay.
Nghĩ xem thật cũng ghê thay,
Bảo thân chước ấy ai bày sẵn cho?
Thế mà nghe nói mỗ hồ
Rằng: quan đề đốc xuống hồ cửa tây;
Kẻ rằng: Treo ở cành cây
Người rằng: hẩn xuống giếng này không sai.
Thăm tìm ngày một ngày hai,
Định rằng hiệp táng cùng nơi học đường.
Hỏi ra sau mới biết tường,
Cũng loài uý tử, cũng phường tham sanh.
Phép công nên tội đào chình,
Rồi ra nặng túi nhờn tình lại thôi¹⁶

16 Đoạn này nói Đề đốc Lê Trinh không chết trong khi thành mất mà lại chạy trốn, theo phép phải có tội, song vì dứt tiền thì được khỏi.

Văn như Tuần vũ nức cười,
 Bình Chi là hiệu, năm mươi tuổi già¹⁷
 Biết bao cơm áo nước nhà?
 Nhắm trong sĩ tịch cũng là đại viên.
 Chén son chưa cạn lời nguyên,
 Nỡ nào bỗng chốc quên liền ngay đi¹⁸?
 Lại còn lẫn khuất làm chi?
 Hay là tham tiếc mùi gì ở đây?
 Hay là còn chước bình Tây,
 Chức làm nội ứng, đợi ngày viện binh?
 Hay là tiếc gái xuân xanh¹⁹?
 Hay là còn chút khuê hình từ thân²⁰
 Ngón ngang tính nổi xa gần,
 Rắp toan tịch cốc mấy lần lại thôi²¹.
 Sao không sợ tiếng với đời?
 Sao không then với chế đài tuyền cung²²

17 Hoàng Hữu Xứng, tự Bình Chi, làm Tuần vũ Hà Nội bấy giờ.

18 Bữa chiều mồng bảy, các quan có uống rượu mà thể cùng nhau sẽ lấy chết giữ thành.

19 Ông nầy mới vừa cưới hầu non thì gặp giặc.

20 Ông còn mẹ già.

21 Hoàng Hữu Xứng đã nhịn đói mấy ngày, sau ăn trở lại.

22 Chế đài là Tổng đốc; tuyền cung là âm phủ.

Kìa Tôn Thất Bá niết công²³,
Kim chi ngọc điệp, vốn dòng tôn nhân,
Đã quốc tộc, lại vương thân,
Sao không nghĩ đến quân thân, nhưng mà....
Nước non vẫn nước non nhà,
Nỡ nào để mất một tòa Thăng Long?
Thế xưa liệu đã chẳng xong,
Lại còn mở mặt trong vòng trần gian!
Tư giao sắp những mưu gian,
Thừa cơ xin chữ hội thương ra ngoài²⁴
Ấy mới khôn, ấy mới tài,
Lẩn đi tránh tiếng, giục người tiến chinh.
Dâng công quyền nhận tỉnh thành,
Xui người đổ tiếng một mình quan trên²⁵.
Tội danh thiệt đã quả nhiên,
Xin đem giao xuống cứu nguyên chế đài

23 Tôn Thất Bá làm Án sát bấy giờ.

24 Buổi sớm mai ngày mồng tám, quân Pháp mới kéo đến, ông Bá xin giấy ra thành để thương thuyết với tướng Pháp xin hoãn binh.

25 Sau khi thành bị hạ, tướng Pháp giao thành lại, ông Bá đứng nhận. Ông ấy lấy chứng cứ mình ra ngoài hội thương mà đổ trách nhiệm đánh nhau cho một mình quan Tổng đốc, còn mình không dự.

Thung dung kẻ đến phiên đài²⁶
 Xỉ ban cũng đã tuổi ngoài sáu mươi.
 Thác trong thôi cũng nên đời.
 Sống thừa chi để kẻ cười người chê?
 Nhĩ mi Tản lãnh đi về²⁷,
 Giang sơn tuyết chở, sương che cũng liều!
 Còn như ty thuộc hạ liều,
 Kẻ công người quả còn nhiều chan chan,
 Biết đâu cho hết mà bàn,
 Sau này sẽ có sử quan phẩm bình,
 Trước rèm gió mát trăng thanh²⁸
 Thừa lương có chốn nhàn đình thông dong.

Xa trông chót vót Bình phong²⁹
 Chúc mừng vạn thọ thánh cung lâu dài!
 Rồi khi cá nước duyên hài,
 Ra tay khương tế, gỡ tài kinh luân.
 Nghiêu Thuấn quân, Nghiêu Thuấn dân,
 Bát thiên thu, bát thiên xuân thái hòa!

26 Phiên đài là quan Bố chính.

27 Quan Bố (quên tên) thì chạy lên Sơn Tây rồi trở về Hà Nội, đi lại nhiều lần.

28 Đây sắp xuống là lời tác giả tự phụ.

29 Bình phong là núi Ngự Bình ở Huế.

Bây giờ ta gắn với ta,
Túy tình khiến hứng, ngâm nga tiêu sầu.
Ở đời văn võ công hầu,
Càng nghe câu chuyện càng sâu bên tai!
Diễn nôm Chánh khí một bài,
Để cho thiên hạ người người khuyên răn.

10. THI VĂN VỚI THỜI ĐẠI

của Phan Khôi.

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 778 (6.10.1928)

ột bài thi, một bài văn, hay là một tập thi, một tập văn mà làm cho người ta quý trọng và lưu truyền được là nhờ có đặc sắc về hai đường: một là về đường mỹ thuật, hai là về đường lịch sử. Đặc sắc về mỹ thuật, nghĩa là thơ văn ấy hoặc tả cảnh hay, hoặc tả tình hay, đủ làm cho kẻ đọc đến mà sanh cảm, cũng như trong khi xem một bức vẽ hoặc xem một tấn tuồng mà giục nổi vui buồn. Đặc sắc về lịch sử nghĩa là trong thi văn có lưu lại những cái dấu vết của xã hội đồng thời với tác giả; đời sau đọc đến có thể

nhờ đó mà nhận ra cuộc đời hồi ấy hoặc ít hoặc nhiều, có thể đem thi văn ấy mà đối chứng với những điều nghi ngờ trong lịch sử. Từ xưa đến nay, những tay văn hào bất tử, thường là gồm cả hai mặt đó.

Song le, về đường mỹ thuật thì hầu hết mọi người cầm bút viết văn ai ai cũng biết; đến như cái đặc sắc về đường lịch sử thì người ta thường không chú ý đến mà bỏ qua đi.

Sự thuộc về lịch sử ấy tức trong bài này muốn nói rõ hơn một chút, gọi là thi văn quan hệ với thời đại.

Vậy như Đỗ Phủ của Tàu, V. Hugo của Pháp, tức là hai nhà văn hào có đặc sắc về mỹ thuật đã đành, mà lại có đặc sắc về lịch sử nữa, nghĩa là thi văn của hai ông ấy phần nhiều có quan hệ với thời đại mình.

Nay chúng tôi đọc bài Bắc chinh của họ Đỗ thì biết được đầu đuôi việc vua Huyền Tôn

chạy giặc, vua Túc Tôn lên nối ngôi ra làm sao; đọc bài *Souvenir de la nuit du 4* của Hugo thì biết được hồi Cách mạng nước Pháp, họ làm tàn nhẫn giết đến kẻ vô tội là thế nào. Bởi vậy các nhà phê bình khi phê bình đến những bài như vậy thì thường hay nắc nỏm khen rằng “thi trung hữu sử”, nghĩa là trong bài thơ có việc thiệt như là lịch sử.

Ông Nguyễn Bình Khiêm cũng gọi là Trạng Trình, ở nước ta, có hơn ngàn bài thơ, in thành mấy cuốn, nhưng mà không nổi tiếng là một nhà văn hào được, là vì thơ của ông chỉ chuyên về mặt mỹ thuật mà thôi, còn chưa kể đến cái mỹ thuật của ông có thật là “mỹ” không nữa. Hãy đọc cả tập *Bạch Vân am* thì thấy ra mười bài như một chục, bài nào cũng tả tình tả cảnh, bài nào cũng nói tâm nói tánh, nói gió nói trăng; song không tìm ra một bài nào có dấu vết của xã hội thời ấy cả. Mà thời ấy là thời họ Mạc tiếm nhà Lê, trong xã hội ta xảy ra biết bao nhiêu là

việc, thế mà trong thơ ông Trạng ta bỏ hết cả, không thềm nói đến, dầu nói bóng lấy một vài lời cũng không!

Có người nói rằng thế mới biết cái tánh tình của ông Nguyễn Bình Khiêm là cao thượng, là siêu việt, chỉ thích bạn với cảnh tự nhiên mà không thềm đặt miệng đến việc đời. Nói vậy cũng có lẽ. Song phải biết rằng đã là thi văn thì là thi văn, phải cho đủ vẻ, phải cho có quan hệ với kẻ khác; còn như chỉ nói riêng hứng cảm phần mình mà thôi, thì người ta đọc nhiều phải sanh chán, những thơ văn ấy ai cầu làm chi?

Người ta hay nói thi nhân nào đại biểu cho thời đại nào, là vì thi nhân ấy có quan hệ với thời đại ấy, như Đỗ Phủ đại biểu cho thời Trung Đường, Victor Hugo đại biểu cho thời Cách mạng Pháp. Ấy vậy, thơ văn mà đại biểu cho một thời đại được, thì mới có thể gọi là một nhà văn hào.

Nước ta gần nay có ông Tú Trần Kế Xương là có cái tư cách đại biểu cho một thời đại ở Bắc Kỳ. Thời đại ông là thời đại mà cựu học suy vi, bọn nhà nho thất nghiệp, tây học mới bén, đám thông kỹ đắc thời; lại là thời đại mà trong nước bắt đầu nhóm lên phong trào về chánh trị; mà cả những điều đó đọc trong thơ văn của ông có thể thấy được cả. Như những:

- Một đoàn rách rưới con như bố;
Ba chữ nghèo ngao vợ chán chồng.

- Chi bằng đi học làm ông phán,
Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò!

Sau này người ta đọc những bài đó là đủ biết cái khuynh hướng của xã hội bấy giờ về đường học vấn là thế nào.

Ông Tú Xương lại có nhiều thơ về thời sự bấy giờ nữa; song vì sự hủ ký cho nên ít truyền ra. Một ngày kia toàn tập của ông được xuất bản, người ta sẽ thấy văn chương

của ông là quan hệ với thời đại ấy.

Được một người văn như có quan hệ với thời đại là quý lắm; cùng không nữa thì được một bài thơ hoặc một bài văn có quan hệ với thời đại cũng là quý. Vì những thơ văn ấy có bổ ích cho nhà sử học về sau, giá trị của nó không biết là bao.

Thử cử ra vài bài sau đây để làm thí dụ.

Từ triều Thành Thái về sau, sự thi cử ở Trung Bắc Kỳ càng ngày càng bậy bạ. Quan chấm trường thi ăn tiền của học trò thi, học trò thi thì dốt mà đổ, chẳng còn gì là văn hành công khí cả. Trong lúc đó có lưu truyền một bài hát nói mà không biết ai làm. Bài ấy như vậy:

*“Tự cổ văn chương bằng chữ thượng;
Vu kim nghĩa lý vấn nang trung.
Bảng trong trời chi thiếu mặt hổ long?
Đền sách nọ không gia công mà cũng đặng,*

*Xin cho biết mực đen giấy trắng,
 Tròm tròm ba chữ cũng dư thi
 Sẵn bạc nhà cấp lấy ra đi
 Vào thí viện quyền làm chi chẳng tốt?
 Vậy có câu rằng cử nọ hai mươi hốt³⁰ tú kia
 bát thập nguyên,
 Ấy là phận, ấy là duyên, mà phong thổ âm
 công chi cũng đó!
 Khi rước về vông điều châu đỏ,
 Về đến nhà hỏi mục sướng hay không?
 Mục rằng tôi cũng như ông!”*

Năm 1908, ở Quảng Nam có xảy ra vụ xin thuế. Trong khi mấy ngàn người dân ăn mặc lam lũ kéo nhau vừa đến sông Thanh-hà, bị lính đàn áp thì ba người ngã xuống sông mà chết. Bấy giờ có bài văn tế như vậy mà cũng không biết tên người làm:

*“Than ôi! nước còn lênh đênh,
 dân khó ngoi ngóc,*

Đã thuế nặng nề, lại quan tham độc.

30 Hốt là một nén, mười lạng bạc

Chó ăn cả lông, cây đào tận gốc.
Không tiền mua khăn nên đầu ông trọc;
Không tiền mua vải nên áo ông cộc.
Xin thuế ít nhiều, kêu tình khổ nhục;
Một dạ vững bền, tám ngàn chen chúc.
Không ngờ sẩy chơn, chẳng vớ được cọc.
Thôi thà thác trong, còn hơn sống đục!
Hồn ông đi đâu? Xiêm La Băng Cốc,
Nhật Bản Hoàn Tân, Ấn Độ Thiên Trúc;
Lớn hóa làm tàu bay, nhỏ hóa làm súng lục,
Phối phối trên từng mây để chờ cơn báo phục!
Nay có rượu cạn một bầu, vẫn nôm một
khúc,
Tế các ông một diên, vì dân đau khóc!”

Đó, ta đọc bài văn tế ấy thì biết lúc bấy giờ tại làm sao mà dân Quảng Nam xin thuế, và biết bấy giờ người ta mới bắt đầu hót tóc và mặc đồ ngắn. Còn đến cái cảm tưởng của tác giả đối với ba người chết thì lại chúc cho linh hồn qua Bể Cốc, Hoành Tân, là vì bấy giờ trong nước ta đương sôi nổi cái phong

trào xuất dương cho nên tác giả đem cả việc ấy mà cầu cho kẻ chết.

Một bài thơ hoặc bài văn mà có quan hệ với thời đại là như vậy.

C.D.

11. BÁC CÁI THUYẾT TÂN CỰU ĐIỀU HÒA

của Phan Khôi.

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 780 (11.10.1928), tiếp theo bài Tư tưởng của Tây phương và Đông phương

 ấy năm gần đây, ở nước ta có một số ít người bàn luận đến cái vấn đề tư tưởng cũ và tư tưởng mới, thì hầu hết đều chủ trương cái thuyết điều hòa, nghĩa là đem tư tưởng cũ và tư tưởng mới mà trộn lộn cùng nhau. Cái thuyết ấy mới nghe qua dường như có lẽ lắm, dễ nghe lắm, mà ngẫm ngẫm cho kỹ, gạn hỏi cho cùng, thì gần

gắn thành ra vô nghĩa, không có thể đem mà thiết hành ra được.

Tôi rất lấy làm tiếc rằng mấy người chủ cái thuyết điều hòa đó chỉ nói hàm hồ³¹ rằng điều hòa tư tưởng cũ và tư tưởng mới mà thôi, chứ không nói rõ ra lấy những cái gì bên tư tưởng cũ đem mà điều hòa với những cái gì bên tư tưởng mới. Muốn điều hòa hay không điều hòa, ít nữa cũng phải xét qua cái nội dung của hai tư tưởng như ba điều tôi vừa kể trong bài trước, rồi mới có thể định đoạt được. Nay họ đã không nói rõ, vậy thì tôi xin lấy ba điều đã xét được đó làm căn cứ, rồi đặt ra mấy câu hỏi để mà thảo luận cái thuyết điều hòa.

Câu hỏi thứ nhất là hai cái tư tưởng như đã giải ra đó có thể điều hòa được không? Phàm vật gì hai vật đồng một chất, như rượu với nước, thì mới có thể điều hòa. Còn hai cái tư tưởng đây rõ là tương phản nhau như

31 hàm hồ

nước với lửa, thì làm thế nào mà điều hòa được?

Câu hỏi thứ hai là tại làm sao mà phải điều hòa? Hai cái tư tưởng đó, cái nào chọn lấy một cái; nếu đành giữ cái cũ thì làm như ông Gandhi bên Ấn Độ một mực cự tuyệt văn minh phương Tây cũng được chớ, sao lại phải điều hòa làm chi? Còn như đã cho văn minh phương Tây là cần, ta không thể cự tuyệt được, thì nên nhứt quyết theo tư tưởng họ để cố bước tới văn minh ấy, chớ sao lại còn đem của ta mà điều hòa cho thêm việc?

Câu hỏi thứ ba là điều hòa để làm gì? Phàm định làm việc gì trước phải lấy một mục đích, phải biết chỗ lợi ích của nó rồi mới làm. Như việc điều hòa nầy thì mục đích nó ở đâu? sự lợi ích nó ở đâu? Cuộc văn minh của người Tây như đã đi được trăm dặm rồi, mà mình mới bắt đầu đi một vài dặm lẻ thì đi gấp đường lên cho kịp mới phải, có sao

lại kiếm cách mà làm cho chậm lại? Thật thế, đem huyền học mà điều hòa, tất phải dụt mất cái ánh sáng khoa học; đem thống thuộc mà điều hòa, tất phải mòn mất cái tinh thần tự chủ; đem an phận mà điều hòa, tất phải cùn mất cái nhuệ khí tấn thủ. Không thấy lợi mà thấy hại, thì điều hòa mà làm gì?

Cái thuyết điều hòa đó chẳng qua là do một cái thói quen của người nước ta. Người mình hễ rõ³² ra đâu là điều hòa đó, cái trên trời, cái dưới đất cũng điều hòa phứt đi được. Rượu thì pha rượu trắng với rượu chát; đầu thì trùm tóc sùm sùm mà đội mũ; hết “Tây Nam đắc bằng” rồi thì “Pháp-Việt để huê”, tu thì tu tam giáo, nực cười nhứt là đạo Cao-đài “nảy” kia thờ cả năm ông giáo chủ là Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Gia-tô³³ và Ma-hô-mét! Phải, việc dễ nhứt trong thiên hạ là chỉ có việc điều hòa, điều hòa thôi thì vô sự mà!

32 sờ đến, động đến...

33 tức Jesus Christ

Nếu họ bằng lòng thì cái thuyết điều hòa đó chỉ có bên phương Tây ngày nay có thể dùng được. Ta cũng nên trông cho họ lấy tư tưởng Đông phương mà điều hòa với của họ để giảm bớt cái khí phách lung lăng hay ăn hiếp ta đi. Mà quả thật, sau cơn đại chiến, thấy người chết của hết, sanh cơ hầu tuyệt diệt, thì trong đám họ có nhiều kẻ đã tìm tòi bới nóc đến văn hóa Đông phương. Ông Tagore ở Ấn Độ đã nhơn dịp ấy mà bán được một mớ thi tập của ông. Ông cũng nói điều hòa, phương thuốc điều hòa của ông là bằng cái tinh thần hòa bình hữu ái. Nhiều người sang trọng nước Anh hoan nghinh ông lắm, đến nỗi làm lễ ôm gót chơn ông, là lễ A-nan³⁴ đã làm cho đức Phật thuở xưa. Không những ông Tagore thôi, cũng dịp ấy, một ông lão nho Tàu tên là Cô Hồng Minh có xuất bản một quyển sách Xuân thu đại nghĩa cả bằng chữ Đức và chữ Anh, gọi là *The spirit of Chinese*, đại ý nói các nước phương Tây bây giờ đã hết

34 tức là Ananda, em họ Thích Ca, một trong những môn đồ chính của Phật Thích Ca

phương xoay xử rồi, chỉ còn có rước lấy cái tinh thần người Tàu và nhận lấy đạo Khổng Tử. Đối với sách ấy, người Tây dầu phản đối mà cũng có thừa nhận.

Người Tây nói điều hòa thì còn có lẽ; chớ người mình, nếu đã quyết đi theo con đường văn minh ấy mà còn toan dùng chước điều hòa thì thật là thất sách. Ông lão nho Tàu đó chẳng nói làm chi; chí như ông Tagore là một bậc thi thánh, có ảnh hưởng khắp thế gian, ông lấy nghĩa hòa bình hữu ái mà điều hòa, thì chưa biết có tạo được cái phước quả gì cho người Tây cùng chẳng, song đã chắc một điều là ông đã tưới nước vào đồng tro tàn Ấn Độ.

Phương Tây họ uống rượu nho đã chán chê rồi, có lẽ họ muốn pha một ít nước cho đỡ say; nhưng mà phương Đông ta thì đương thèm thuồng khát khao rượu nho lắm, cứ để nguyên vậy mà uống còn chưa đã, có sao lại toan đem pha nước?

Sau cuộc chiến tranh 1914-1918 chính ở bên Tây có một ít người hoảng hốt mà kêu lên rằng văn minh Âu châu đã đến ngày phá sản. Rồi ở Đông phương này cũng có một bọn người ó lên mà bài kích văn minh Âu châu. Nhưng mà nào đã chắc đâu. Nước Pháp đã trải qua mấy lần đại cách mạng hồi cuối thế kỷ thứ 18, lúc bấy giờ chắc cũng có người bảo rằng văn minh nước Pháp đã phá sản; song từ đó mà nước Pháp thêm tấn bộ, trở làm mẹ dân quyền cho các nước trong thế giới, vậy thì là phá sản hay là phát tài? Cuộc chiến tranh này biết đâu chẳng là cái cơ tấn bộ cho Âu châu và cho cả toàn cầu, vì cái ánh sáng của thế kỷ hấu tới đã ló ra một tia ở bên kia kia!

Cái thuyết điều hòa ở ta đây cũng có một phần bởi lời đồn huyền “văn minh phá sản” đó mà ra. Những người chủ trương thuyết ấy sợ rằng nếu ta theo hệt như văn minh Âu châu thì cũng có ngày sẽ mang lấy đại họa như họ. Sợ như vậy thật là sợ hoảng, đúng

như lời tục ngữ ta thường nói: “Chưa giàu đã lo ăn cướp”! Ta muốn ngóc đầu lên một chút đây mà còn e chưa nổi, lại còn có tài nào sức nào đủ gây ra cái đại họa ấy nữa kia?

Theo các lẽ đã giải minh ra trên đây thì cái thuyết điều hòa không thể thiết hiện ra được. Mà không những thế, về mặt lý luận, nó cũng không thành lập được nữa.

C.D.

12. VĂN CHƯƠNG VÀ VĂN CHƯƠNG CỦA NHÀ BÁO

của Diệp Văn Kỳ và Phan Khôi

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 787 (27.10.1928)

(Đáp lại Đuốc nhà Nam)

Đọc Đuốc nhà Nam³⁵ số 9, thấy có bài xã thuyết đề là Thế nào gọi là văn chương có giá trị? Ở trong, Đuốc nhà Nam bàn phẩm về sự làm văn, lại có phô bày lối văn riêng của mình mà phản chứng với

35 Đuốc nhà Nam, nhật báo, cơ quan của đảng Lập hiến Nam Kỳ, số 1 ra ngày 26.9.1928, từ 2.12.1935 đánh số lại từ số 1, số cuối (số 461) ra ngày 6.7.1937

các báo khác rằng: “Xin các quý đồng nghiệp biết cho”.

Vả chúng tôi chẳng cũng là một bạn đồng nghiệp với quý báo Đuốc nhà Nam. Đã là bạn thì gặp một việc gì, có cái nghĩa phải giảng bàn cùng nhau, mà dầu cho có trách bị nhau chút đỉnh cũng vô hại. Bởi vậy hôm nay chúng tôi dám lấy cái tư cách một người bạn mà đáp lại bằng bài này.

Quý báo nói rằng văn chương phải cho rõ ràng, êm ái, đứng đắn, mà không nên cầu kỳ, khổ khắc, nặn nọt quá; quý báo lại tỏ ra rằng không ưa cái lối văn đọc lên như rống bay phụng múa mà kỳ thiệt là có xác³⁶ không hồn. Những lời đó chúng tôi xin biểu đồng tình, vì đối với văn chương chúng tôi cũng vẫn nghĩ như vậy.

Song đến về phần riêng quý báo, quý báo nói rằng mình không chuộng ở lời văn, mà

36 Theo quý báo nói là « có cốt không hồn » (nguyên chú)

chuộng ở tư tưởng; cho nên, về văn không cần phải trang sức, không cần phải điểm tô. Mấy lời đó thì chúng tôi chưa dám tin.

Nhiều người phê bình một cách sâu độc rằng quý báo nói như vậy là để giấu cái vụng của mình đi; song chúng tôi không bao giờ nói thế; chúng tôi chỉ nói rằng quý báo tin mình hơi quá mà thôi.

Muốn cho rõ nghĩa cái câu chúng tôi vừa mới nói đây, chúng tôi xin lại bắt đầu phẩm luận về văn chương.

Về văn chương, không cứ đặt để làm sao, không cứ theo lẽ lối nào, người làm văn cốt phải giữ ba điều, là: tín, đạt, mỹ.

Tín, nghĩa là văn phải cho tin. Trong một bài văn, kể chuyện thì phải cho thật, nói lý thì phải cho đúng; ấy là tín đó.

Đạt, nghĩa là văn cho thông. Cái ý mình

ngữ trong óc thế nào thì viết ra trên giấy cũng thế ấy, làm cho người xem văn mình hiểu đúng như ý mình, mà khỏi hiểu ra đường khác hay là không hiểu chi cả; ấy là thông đó.

Mỹ, nghĩa là văn phải cho đẹp. Tín và thông cũng đã gọi là đủ dùng trong sự viết văn rồi; song nếu muốn cảm người cho sâu, truyền đi cho xa thì phải cần đến cái đẹp. Lời cho nhã, ý cho mới, ấy là đẹp đó.

Bất kỳ văn nước nào thời nào, dầu cho ở bên Tây, bên Tàu, hay là đời xưa, đời nay, cũng phải có đủ ba điều ấy thì mới gọi là văn được, mới gọi là văn hữu dụng được.

Coi đó thì cái đẹp trong văn chương không phải là cái đáng khinh. Đáng khinh là văn không tín không thông chỉ có cái đẹp mà thôi; còn như đã tín đã thông mà lại còn thêm đẹp nữa, thì cái văn ấy ta rất nên quý chuộng.

Tuy vậy, đó chỉ là phẩm luận về văn

chương thôi, chớ đối với sự làm văn của chúng ta là kẻ viết báo quốc ngữ ngày nay, chúng tôi lại có một cái chủ trương khác. Vì vậy chúng tôi lại luận đến văn chương của nhà báo.

Về sự chúng ta viết báo bằng chữ quốc ngữ hiện thời đây, chúng tôi muốn cho hăng “tín” và “thông” đi đã, chớ chưa vội nói đến cái “đẹp”. Điều đó ý chúng tôi cũng hơi giống với quý báo, chỉ khác một chút là chúng tôi nói chưa vội, mà quý báo nói không cần ấy thôi.

Chúng tôi nói chưa vội, là vì chữ quốc ngữ của chúng ta ngày nay còn phân vân, chưa nhứt định, chưa có sách mẹo cùng các sách khác thuộc về phép làm văn^[3], thì bước thứ nhứt là phải do chúng ta lập cái nền quốc văn cho vững chãi đã, rồi mới nói đến cái hay cái đẹp được; nghĩa là trước hết chúng ta phải tập viết văn cho đúng mẹo, cho thông. Hễ đã đúng mẹo, đã thông, rồi mới nhơn đó mà lập thành sách mẹo tiếng Việt Nam và lại nhơn

đó lần lần làm ra các sách dạy phép làm văn, luyện đến cái hay cái đẹp, mà thành ra một nền văn chương Việt Nam vậy.

Thật thế, về sự viết văn, chúng tôi chưa hề khi nào nghĩ đến cái đẹp, mà chỉ cầu cho thông là đủ. Chúng tôi tưởng các nhà làm báo ta bây giờ, ai đã thông rồi mà bước lên đến cái đẹp là càng hay, còn ít ra cũng phải lấy mực thông làm hạn.

Muốn cho thông, thì chúng ta viết văn cốt phải đúng theo văn pháp (tức là sách mẹo³⁷) và luận lý học. Tuy sách văn pháp và sách luận lý học của ta bây giờ chưa có, song chúng ta, những người làm báo đây, đều là do Hán học hoặc Tây học mà ra, thì khó gì mà chẳng lấy mẹo luật của văn nước người đem ghép vào văn nước mình? Vì về văn pháp, mỗi nước chỉ khác một ít, còn luận lý học thì đâu cũng

37 Sách mẹo tức là grammaire; các sách thuộc về phép làm văn như sách Luận lý học (Logique) và Tu từ học (Rhétorique) (nguyên chú)

giống nhau, hễ đã thông văn nước ngoài, thì cũng có thể suy ra làm thông văn nước mình được vậy.

Nói đến đây, chúng tôi sực nhớ đến một vài chỗ khuyết điểm trong quý báo. Mà cũng vì trong quý báo, số 9, có xin đồng bào chỉ giáo cho những chỗ sai sót về chương trình, bài vở v. v..., cho nên bốn báo đây, không những là đồng bào, mà lại đồng nghiệp, mới dám chỉ ra một vài; tuy vậy, chỉ mà thôi, chớ không dám giáo.

Chẳng nói đâu xa, chỉ một bài “Vì sao tôi lãnh Đ. N. N.” trong số 9 Đ.N.N. là đủ cho chúng tôi phàn nàn về lối văn của quý báo.

Cả một bài ấy phần nhiều câu không có chủ thể (sujet). Như, thỉnh thoảng nổi lên nói rằng: “Nay đem hết tâm chí v. v...”, và “Lúc nhỏ theo thầy v. v...” thì chúng tôi chỉ có lấy ý mà hiểu, chớ như cứ theo văn pháp thì chẳng

biết ai là kẻ hành động trong những câu này. Quý báo đã hô lớn lên rằng văn chương phải cho rõ ràng, mà như vậy thì chẳng biết có rõ ràng không nhỉ?

Cũng trong bài ấy, “Học rồi, hành sự”, dứt ngay làm một câu. Chúng tôi chẳng khi nào tin rằng chỉ như vậy mà đứng làm một câu được, vì nó chỉ có mấy tiếng động từ (verbe) không mà thôi.

Có một cách rất tiện cho những người nào thạo chữ Pháp mà muốn viết quốc ngữ là khi nào một câu quốc ngữ mà muốn biết nó có thể đứng được chẳng, chỉ cứ nắm đó mà dịch ngay ra chữ Pháp thì biết.

Mà nếu đem câu đó ra dịch từng tiếng một chữ Pháp, thì sợ e không đúng.

Ấy là chỉ ra vài chỗ của quý báo không đúng với văn pháp.

Cũng trong bài đó, mở ra nói rằng: “Thấy số báo này chắc ai cũng hỏi: Sao Dương Văn Giáo lại lãnh cầm *Đuốc Nhà Nam*?”

Chúng tôi chẳng hiểu nói như vậy là có ý nghĩa gì. Vả chẳng, Dương Văn Giáo lãnh *Đuốc Nhà Nam* thì cũng như Diệp Văn Kỳ lãnh *Đông Pháp thời báo*, Dejean de la Bâtie lãnh *Echo Annamite*, v. v..., chớ có gì lạ đâu mà ai phải hỏi làm chi? Nếu tự mình chắc là ai cũng hỏi thì trước phải tỏ ra cái có tại làm sao; nếu không, thì chẳng ai hiểu ý mình làm sao cả.

Trong bài xã thuyết số 10, lại có câu: “Mục đích bốn báo là soi dọi ngọn đuốc mới mẻ trong buổi bình minh”, câu này cũng hỏng.

Bình minh là lúc sáng thiệt mặt, đối với lê minh là lúc mờ mờ sáng. Thường người ta dùng đuốc trong lúc trời tối, chớ đã sáng trắng rồi, còn ai cần đuốc làm chi? Vậy thì

sao lại nói rằng dọi ngọn đuốc trong lúc bình minh³⁸?

Ấy là chỉ ra một vài chỗ của quý báo không đúng với luận lý học.

Tự vị chữ ta đã có lâu rồi, bây giờ chúng ta cần nhứt phải viết đúng theo tự vị. Thế mà quý báo coi ý không chăm về chỗ đó, cho nên quảng cáo thì viết ra quản cáo, phô bày thì viết ra phô bài, song quý chủ nhiệm đã có nói rằng: “Tôi vẫn biết ai ai cũng viết ‘khó khăn’ mà tôi muốn viết ‘khó khăn’; đã tự ý muốn chi thì muốn, thì còn ai nói vào làm chi?”

Quý báo một nói ít chú trọng về văn chương, hai nói không chuộng ở lời văn mà chuộng ở tư tưởng; chúng tôi lại còn đem văn chương nói với quý báo, chi cho khỏi lấy làm

38 Về chi tiết này, xem thêm lời bình về hình minh họa tên báo ĐNN ở bài của Tân Việt trong mục "Câu chuyện hằng ngày" (ĐPTB, 2.10.1928)

rầy tai. Song chúng tôi tưởng, sự trung cáo³⁹ này cũng là một cái bốn phận chúng tôi.

T.V⁴⁰

39 Trung cáo: thẳng thắn khuyến cáo, không sợ mất lòng

40 Bài này ký T.V. tức là Tân Việt, bút danh mà Diệp Văn Kỳ và Phan Khôi dùng chung khi viết cho mục "Câu chuyện hằng ngày" của ĐPTB;

**13. THƠ NGỎ CÙNG ÔNG
NGUYỄN TRÁC,
NGHỊ TRƯỞNG MỚI
VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ**

của Phan Khôi, Bùi Thế Mỹ...

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 789 (6.11.1928). Trong số các đồng tác giả của bức thư ngỏ này hẳn có những người miền Trung, người Quảng Nam làm việc ở Đông Pháp thời báo như Bùi Thế Mỹ, Phan Khôi. Văn phong, cách lập luận ở bức thư ngỏ này khiến ta nghĩ rằng nó do chính Phan Khôi chấp bút. Xin lưu ý rằng Đông Pháp thời báo đã đăng toàn văn đơn từ chúc Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ của Huỳnh Thúc Kháng và nhiều bài tường thuật, bình

luận xung quanh sự kiện này với thái độ ủng hộ rất rõ rệt đối với hành động của Huỳnh Thúc Kháng.

Kính ông,

Chúng tôi là một bọn người Trung Kỳ vào làm ăn trong Nam, mà phần nhiều là người hàng xứ có quen biết ông nhiều ít, nghe ông mới được bầu làm Nghị trưởng Viện Dân biểu thay cho ông Huỳnh Thúc Kháng, thì ai nấy đều ôm một cái cảm tưởng giống nhau và muốn phô bày cùng ông, nên mới có bức thơ ngỏ này.

Chúng tôi định mừng ông chẳng? Theo thường tình thì từ cái ghế nghị viên mà được nhảy lên ghế nghị trưởng, có thể lực hơn, có danh giá hơn, cũng đáng mừng cho ông đó chút. Nhưng mà không, chúng tôi có phải là trẻ con đâu và có dám coi ông như trẻ con đâu mà hòng vì ông đốt pháo vỗ tay trong khi cái danh vọng xằng nó tìm ông mà đến?

Chúng tôi định trông mong ở ông chăng? Có lẽ, bất luận người nào lên làm nghị trưởng nơi nghị viện của chúng tôi thì chúng tôi đều có ý trông mong cho người ấy cả, huống gì là ông. Nhưng mà không, khi nào kia, chớ sau khi một ông nghị trưởng đã vì quá trung thành với quốc dân nên từ chức, mà lại có anh chàng kia lặn vào, thì chúng tôi có dại gì mà trông mong vào anh ấy làm chi? Rủi thay anh chàng ấy lại chính là ông!

Ở nghị viện các nước thật có dân quyền, khi gặp cái “ca” như vậy, thì cái người nhảy ra thế chân nghị trưởng đó tất phải phát biểu ra một cái chánh kiến của mình, mà tha hồ cho chánh kiến ấy trái hẳn với của ông nghị trưởng mới từ chức. Vì có làm vậy thì mới đủ lý do cho mình nhảy lên ghế nghị trưởng, và tỏ ra cái sở dĩ ta không từ chức theo ông kia là do ở cái chánh kiến của ta, chớ không phải bởi lòng ham danh cầu lợi. Song le, ông Nghị trưởng mới ời, ông nào có được thế đâu.

Chúng tôi chỉ đọc mấy lời trong bài diễn văn bế mạc của ông thì đủ thấy ông chẳng có một chút chánh kiến gì hết. Đoạn rất quan trọng trong bài của ông tức là đoạn này:

“Chính khi tôi nhận lấy cái gánh nặng ấy, thì trong viện kẻ về người ở, tình cảnh khó khăn, trên chánh phủ nghị có đảng này phái nọ, dưới nhân dân thì trách điều nọ tiếng kia, nhưng tôi sở dĩ cứ bạo gan mà đương lấy cái gánh nặng này, vì tôi đã xét rõ cái hiện tình hoàn cảnh bây giờ, nước Pháp với nước Nam rất có quan hệ với nhau, chánh phủ với nhân dân rất có quan hệ với nhau, đã xét thấy con đường đi như thế thì lẽ nào tôi lại từ chối mà lùi chân được?”

Rõ thật ông nói vu vơ quá đi, ông Nghị trưởng mới! Nước Pháp với nước Nam quan hệ nhau từ năm bảy mươi năm nay, còn chánh phủ với nhân dân thì dầu cho ở nước nào thời nào cũng quan hệ với nhau cả, cứ chi một hiện tình hoàn cảnh nước ta? Sự ấy một người

dân thường cũng có thể hiểu được, lộ là học thức như ông mới xét rõ? Vì xét rõ cái hiện tình hoàn cảnh ấy nên ông mới bạo gan mà đương lấy gánh nặng, ông nói vậy thật chẳng có nghĩa gì, chẳng thà ông cứ làm thỉnh nháy phóc lên ghế nghị trưởng còn hơn. Thế mà ông lại còn nói không thật tình với chúng tôi, vì cứ như tình hình nghị viện chúng ta mới rồi và theo cái thái độ của ông, thì cứ nằm sấp mà bò lên ghế nghị trưởng dễ như chơi chớ không cần phải “bạo gan” chút nào hết.

Sau đó ông lại có mấy lời nói riêng với quan Khâm sứ rằng:

“Kỳ khai hội mới đây, ông nghị trưởng Huỳnh Thúc Kháng thay mặt đồng viện đọc bài diễn văn, quan lớn thay mặt cho chánh phủ đọc bài phúc đáp, hai bài ấy xem có ý xung đột nhau, nay tôi xin phép quan lớn cho tôi đứng vào địa vị thứ ba tìm cách dung hòa...”

Ông phản phúc lắm, ông Nghị trưởng mới ời, ông nói câu này chính là ông thú nhận cái tội phản phúc của mình. Ông đã nói ông Huỳnh Thúc Kháng thay mặt cho đồng viện đọc bài diễn văn, thế thì cái ý kiến của bài diễn văn đó tức là ý kiến của đồng viện, mà đã gọi là đồng viện thì tức là có ông ở trong. Bài diễn văn ấy đọc ra mà chánh phủ nghe theo, thì cái danh dự ấy ông cũng được một phần; đọc ra mà chánh phủ bác đi thì cái trách nhiệm ấy ông cũng chịu một phần mới phải. Nay ông đã đổ trách nhiệm vào lưng kẻ khác mà không từ chức theo người, thì đã quá rồi, lại còn vỗ bụng ra làm nghị trưởng, ngược mặt lên đòi đứng vào địa vị thứ ba mà dung hòa, là dung hòa nổi chi?

Một ông Nghị trưởng như ông, là kẻ chúng tôi đã vẽ rõ ra cái thái độ và cái tâm thuật như trên đây, mà bảo dân chúng tôi còn đem lòng trông mong, như thế họa có dân chúng tôi là đại lắm!

Ồ hay! Đã không mừng cho ông, lại không trông mong ở ông, thì chúng tôi viết bức thư ngỏ này cho ông làm gì?

Bỏ hết, chúng tôi bỏ cả nước cả dân cả sáu triệu đồng bào cho nó đi theo với những cái “ủy” cái “gật”, chỉ lấy tình quen biết cùng ông mà bàn sự lợi hại riêng phần ông trong cơn ra làm nghị trưởng này.

Ông chắc cũng còn nhớ ông nguyên làm tri huyện Thanh Chương. Đương làm tri huyện, bỏ đi ra làm nghị viên, ai thấy vậy mà chẳng khâm phục cái chí khí của ông? Song, ai kia, chớ chúng tôi biết ông rõ lắm, chúng tôi biết rằng theo ông thì làm nghị viên có lẽ mau phát lên hơn là làm tri huyện.

Từ năm 1926, sau khi đắc cử nghị viên, ông đã đi khắp các tỉnh Trung Kỳ, từ nam chí bắc, và vận động cho được làm nghị trưởng. Một điều đó đủ làm cho chúng tôi thấy rõ cái bốn tâm bỏ ẩn tri huyện của ông.

Gần nay ông lại cùng ông nghị viên tên là Trần Bá Vinh kêu hùn làm một cái công ty buôn gạo tại Thanh Hóa, tư bốn⁴¹ nghe chừng đến hàng mấy mươi vạn. Chắc ông cũng nghĩ rằng giá choán được cái ngôi nghị trưởng ở nghị viện Trung Kỳ thì có lẽ phần hùn dễ kêu và công ty mau thành lập mà khỏi phụ cái lòng khảng khái từ quan của ông vậy.

Song ông vụng quá, ông tính sai bét hết. Ông toan đi đường lợi mà sả⁴² vào đường hại không hay.

Ông theo làm chi cái ông Trần Bá Vinh? Ông theo làm chi cái kế hoạch của ông Trần Bá Vinh?

Cái ghế nghị trưởng ở nghị viện Trung Kỳ, hết ông Huỳnh Thúc Kháng rồi thì đến ông, chớ có ai vô lộc, mà ông lại chẳng chịu nán đợi ít lâu, đành phạm muôn vàn mũi tên

41 vốn

42 trượt

dư luận, vớt gương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa!

Giá ông biết tính, thì ông nên tỏ ra cái thái độ điềm thối⁴³ trong lúc này, rồi khóa sau ông sẽ ra ứng cử lại. Bấy giờ chẳng những ông đắc cử, mà lá cờ nghị trường chẳng về tay ông phát thì ai? Bấy giờ khoan nói đến sự công ích của sáu triệu đồng bào, chỉ nói riêng về cái công ty của ông, thì muốn vững chãi đến đâu mà chả được? Song khốn thay, con mắt của ông chỉ vừa thấy đến lỗ mũi!

Ông choán làm chi cái ghế nghị trường chỉ trong mười ngày? Lợi cho ông là bao, mà cái hại cho ông về sau này không xiết kể!

Một điều mà chúng tôi có thể tiên tri được cách quả quyết là đối với nhân dân, ông đã mất lòng tín nhiệm rồi, ông còn mong chi cái chân nghị viên khóa sau, huống nữa là nghị trường? Mà sự thất bại ấy rồi sẽ có ảnh hưởng

43 điềm có thể hàm nghĩa "điềm tĩnh", thối (thoái) có thể hàm nghĩa "lui lại"

đến cái công ty của ông chẳng vừa.

Ấy đó là chỗ ông thất sách mà chúng tôi muốn lấy tình quen biết phân trần cùng ông đó. Ông chớ phải ai đâu mà chúng tôi hòng đem đại nghĩa trách nhau.

Lo chi, có thất bại nữa rồi ông sẽ lộn ra làm tri huyện lại đó mà. Nếu vậy thì xin ông cũng hãy nhớ lời chúng tôi: Cái điều phản phúc, ở trong dân đảng đã bắt dung rồi, mà ở trong quan trường lại càng nguy hiểm lắm.

Đây đã đến chỗ kết bức thơ này, chúng tôi xin dặn với ông một câu: nếu ông có tưởng tình chúng tôi thì khóa sau xin ông đừng ra ứng cử làm chi cho mệt.

Nước mây ngàn dặm, vàng đá một lời.

MỘT BỌN NGƯỜI TRUNG Ở NAM

14. CUỘC DIỄN THUYẾT HỎI⁴⁴ VỀ DÂN QUYỀN

của Phan Khôi.

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 803 (8.12.1928)

Đã là dân quyền mà sao lại không được diễn thuyết?

Mới mấy ngày trước đây, thấy Đuốc Nhà Nam đăng tin rằng đến tối ngày 5-12 tới đây, lúc 9 giờ đúng, ông Lê Minh Điều sẽ diễn thuyết tại nhà hàng Casino ở chỗ góc đường Bonnard (Lê Lợi) và Pellerin (Pasteur) đấu nhau, về vấn đề nhân quyền và dân quyền.

44 bị hoãn

Rồi đó kể thấy có những truyền đơn in thật đẹp rải khắp thành phố cũng nói như vậy.

Ông Lê Minh Điều là người có tiếng ở đất này cũng như các ông khác, ai lại chẳng biết. Cái lý lịch ông ngày trước không kể; còn mới hồi Khải Định mạt niên đây, ông là Phán sự tòa Khâm sứ, là Nội vụ phủ Lang trung, cận thần của Tiên đế; và rốt lại, ông là chủ đồn điền.

Hiện bây giờ thì ông làm đại lý cho hội nhân quyền bên Pháp đóng chi hội tại Huế. Cái nhân quyền hay cái dân quyền ở xứ Huế mà sống làm sao được? Phen nầy ông quyết về Sài Gòn cổ động chủ nghĩa của hội mình, cho nên có cuộc diễn thuyết hôm nay.

Bởi cái danh tiếng ông, cái chức hàm ông như vậy mà lại diễn thuyết về nhân quyền và dân quyền thì ai lại chẳng thích nghe? Cho nên khi thấy báo nói và truyền đơn rải ra thì

ai nẩy rộn rục, nô nức, mong cho đến ngày, sẽ ăn cơm sớm mà đi nghe kéo uổng.

Quả nhiên đến tối thứ tư ngày 4, trước cửa Casino đặc những người là người. Nói rằng đông bằng đám rước cụ Bùi năm trước thì khí hàm hồ, chớ cũng được số ba bốn trăm người là ít.

Tuy đông mà không ồn. Ai nẩy vòng tay cúi đầu đứng chờ cho đến giờ.

Đến giờ. Không thấy diễn giả ở đâu, mà thánh giả cũng không được vào cửa Casino. Anh ở đâu? Tôi ở đây! Té ra là cùng nhau giang mãi ngoài trời.

Thình lình thấy trong đám đông có một cái xe kéo rẽ đường mà lòi ra. Trên ngồi một vị thiếu niên, hô lên rằng: “Xin anh em hãy bằng lòng ra về, vì chánh phủ không cho diễn thuyết”.

Nói tầm bậy! Lẽ nào? Đợi chút coi...!

Đợi... Đợi... Chín giờ 15, chín giờ 20!

Nói chơi mà thật. Quả nhiên có mười, mười lăm viên cảnh sát vừa Tây và Nam cầm roi đến đuổi. Đi về đi! Đi về ngủ, khuya rồi, đứng chi đây?

Bấy giờ quân chúng quốc dân Việt Nam tan lần lần ra, mỗi nơi một khúm.

Bốn cái bánh cao su trên đường sơn hấn ín êm như ru, ấy là hai cái xe kéo song song đến. Một, người đàn ông ngồi, một, người đàn bà. Người đàn ông đó tức là diễn giả. Diễn giả tức là Lê Minh Điều tiên sanh.

– Cảm ơn đồng bào có lòng hạ cổ đến nghe bỉ nhân; song tiếc thay! Hôm nay tôi không nói được!

– Tiên sanh không nói được hay là không được nói?

– Ấy cũng vì không được nói cho nên không nói được.

– Chánh phủ cấm hay sao?

Bút ngang câu hỏi, cái roi cọ hơi hơi vào bốn cái cẳng hai anh cu li xe, biểu đi đi, không có phép đậu xe giữa đường.

Hai xe trong cỏi hồng trần như bay.

Còn coi cái gì đây nữa? Đi về mà! Nói cho biết nghe!

Ừ được! Dễ biểu đa!

Về hết. Trước cửa Casino một mớ người đi xem chiếu bóng.

Có người số đi nghe diễn thuyết mà không được nghe, nay trở vào coi chiếu bóng.

Chính là người bị đuổi lúc này, bây giờ đi đường đường vào Casino, đi đến đâu sát rạt đến đó, chẳng ai dám ngăn trở chi hết. Mua giấy⁴⁵, trực chỉ vô, ngồi lô thì ngồi, ngồi hạng nhứt thì ngồi, ta có tiền đây, ai cấm ta?

Ấy là nhân quyền, ấy là dân quyền, còn đòi chi nữa?

Cuộc diễn thuyết hóa ra cuộc xi-nê-ma! Ủ mà diễn thuyết thì lại khác chi xi-nê-ma?

Kh.

⁴⁵ mua vé

15. CON BÒ CỦA ÔNG TỔNG ĐỐC

của Phan Khôi.

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 805 (13.12.1928)

Ông Thân Trọng Huế⁴⁶, có tiếng là một ông quan thanh liêm, cần mẫn, thông thạo việc Tây việc Nam, mới chết tại Huế cách bốn năm nay, trong khi làm Thượng thư bộ Binh kiêm bộ Học, ai ai cũng biết.

46 Thân Trọng Huế (1869-1925) danh sĩ, quan chức triều Nguyễn

Ông Thân hồi sanh bình có nhiều dật sự⁴⁷ hay lắm, mà những dật sự ấy cũng đủ tỏ ra ông là một người tốt. Thế nào rồi sau này tôi cũng sẽ kiếm tìm mà ghi chép lại.

Tôi đã được tiếp kiến Thân công mấy lần ở Hà Nội, mỗi khi nói chuyện có nhắc lại chuyện xưa tích cũ mà quên đi thì ông giở những cuốn nhựt ký trong tủ sách ra xem. Té ra từ hồi ông bắt đầu đi học bên Tây, mỗi ngày làm việc gì, nói chuyện gì đều có ghi vào nhựt ký. Mỗi năm một cuốn to, dồn từ hồi đó đến bây giờ đã hàng mấy chục cuốn. Sau khi ông tạ thế, tôi có được xem một cuốn nhựt ký của ông ở tại nhà một người bạn tôi, cuốn ấy là cuốn sau cùng, ở trống toàn là những thơ gởi cho vua Khải Định, nhiều chuyện bí mật mà cũng nhiều chuyện buồn cười.

Giá bây giờ nhà sử gia nào mà cũng được cả bộ nhựt ký của Thân công thì có thể tìm được ở trống nhiều tài liệu lắm về lịch sử hiện

47 Dật sự: những việc lặt vặt, bị mất mát, khó nhớ lại

thời; không những về phương diện nước Nam mà về cả phương diện nước Pháp nữa.

Tôi thưa thiệt cùng độc giả và xin lỗi, từ đây nhần lên, chẳng qua tôi kể Tần kể Hán cho nó đầy cột báo mà thôi, chớ chuyện ấy khoan nói đã, để nói chuyện con bò.

Vào khoảng triều Thành Thái, Thân công Trọng Huề làm Bố chánh tỉnh Quảng Nam. Bấy giờ ông Hồ Đệ làm Tổng đốc. Quan Tổng đốc có bệnh ghiền a phiện cho nên hay tính toán.

Hồ công có nuôi một bầy bò, mà trong bầy có một con thật to, thật mập, thật mạnh, hay đi lẻ một mình, vào vườn nào phá rau phá chuối vườn ấy. Nó cũng hay vào dinh Bố chánh mà phá như vậy luôn. Lính hầu cứ phải mất công vác gậy ra đuổi nó hoài. Một hôm, đuổi nó không chạy, chắc không phải nó ỷ mình là bò của quan Tổng đốc, nhưng mà vì

nó mạnh nó hung, lính bèn vào bắm quan Bồ tức là Thân công.

Thân công truyền lệnh cho lính phải đánh chết.

Lính bắm là bò của quan Thượng.

Thân công nói: Bò của quan Thượng thì mặc bò của quan Thượng, cứ việc đánh chết đi cho tao.

Lính ra đánh chết. Vào bắm xin quan dạy bây giờ làm thế nào.

Quan bảo đánh chết rồi thì bay cứ việc làm thịt nó mà ăn đi.

Hàng mấy mươi lính cùng nhau ăn một bữa béo và ngon.

Việc ấy xảy ra thì liền đến tai quan Tổng đốc, ông nầy nghe nói cứ lằm lằm một mực.

Trong lúc đó, Thân công đi xe đến hầu, bẩm quan Tổng đốc rằng:

– Trong dinh tôi, có một con bò nào không biết, nó vào nó phá. Đuổi không được, tôi biểu lính đánh chết ăn thịt, chúng nó ăn hết rồi mới nói rằng bò của quan lớn, thì tôi ngạc nhiên, mà không biết có phải thật của quan lớn chăng?

– Thật của tôi.

– Té ra của quan lớn à? Vậy thì quan lớn nuôi bò làm chi?

– Con bò ấy chính là con nuôi để dành đến ngày đám kỵ cụ nhà tôi.

– Đến ngày ấy, quan lớn sức đi mua có được không? Quan lớn nuôi lấy mà dùng rồi sắp bán bò ngoài thành đây nó bán cho ai?

Quan Tổng đốc làm thỉnh. Còn Thân công nói mấy lời để xin lỗi về sự mình đã tự tiện giết con bò rồi ra về.

Từ đó về sau, hai đảng thành ra hiểm khích, ông Hồ cứ kiếm chuyện đánh đổ ông Thân cho kỳ được, và sau lại, ông Thân phải bị triệt chức bổ chánh, cũng vì đó.

KH.

16. LÝ VỚI THỂ: HỒ THÍCH VỚI QUỐC DÂN ĐẢNG

của Phan Khôi.

Bài đăng trên Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 807 (18.12.1928)

Cái mạnh của người ta ở đời dùng mà đương địch với nhau chỉ có lý với thể. Thường thì ai cũng cho cái lý đi trước, ai cũng tôn cái lẽ phải, hể hiệp với lẽ phải là hơn. Song nhiều khi người ta ý đồng làm mạnh, hể phần đông ở đâu tức là lẽ phải ở đó, khi ấy là khi cái lý đi sau, nhường cho cái thể đi trước. Cái lý của phần đông ấy chưa chắc là chơn lý, cho nên đã có người không chịu cái thuyết

“phần đông là phải” vì nó chỉ là thể mà thôi. Song le, không chịu cũng không được, vì nó là thể, nó mạnh. Rút lại, ở trong xã hội loài người mà tri thức còn chia ra giai cấp như ngày nay, thì chưa có thể lấy một mình lý mà ở được, phải có thể.

Ta xem việc Hồ Thích⁴⁸ với Quốc Dân Đảng nước Tàu mà vỡ ra cái lẽ ấy, và bất giác ngâm ngùi thay cho cái lý ở đời nay.

Trong thời cuộc nước Tàu độ mười lăm năm trở lại đây phải kể Hồ Thích là một người quan hệ⁴⁹ lắm, quan hệ cả về mặt văn hóa và về mặt chánh trị. Thế mà mới năm ba năm gần đây, Hồ trở nên một người không hợp với thời cuộc, trái với dư luận, ấy là tại va gặp cái thể của Quốc Dân Đảng.

48 Hồ Thích (1891-1962) học giả có ảnh lớn trong văn hóa Trung Hoa thế kỷ XX, qua Mỹ năm 1910, mới đầu học nông nghiệp ở Cornell University, sau đó (1915) đổi sang học văn chương (lấy Ph.D.) ở Columbia University, về nước năm 1918. Năm 1938 làm Đại sứ Trung Hoa ở Mỹ

49 như từ quan trọng ngày nay

Độc Dân Quốc⁵⁰ gây dựng được năm bảy năm chi đó, Hồ Thích bắt đầu xướng ra cái thuyết dùng bạch thoại thể cho văn ngôn, làm cho văn thể nước Tàu biến đổi ngay và từ đó tư tưởng người Tàu cũng phát đạt rất mau. Hồ là tay Hán học uyên thâm mà lại đậu Tấn sĩ văn khoa nước Mỹ, bấy giờ va chỉ viết báo mà cổ động sự cải cách văn thể chớ đích thân va thì còn ở bên nước Mỹ chưa về. Lúc đó bọn thanh niên nước Tàu trông va về lắm, trông va về để làm người lãnh tụ dìu dắt bọn thanh niên lên trong đường cải cách.

Khi va về, trường Đại học Bắc Kinh liền rước làm thầy giáo (professeur) dạy khoa triết học. Ở đó vài năm, va làm được một cuốn Trung Quốc triết học sử đại cương là sách rất có giá trị trong học giới Tàu ngày nay.

Hồ cũng sốt sắng về quốc sự. Khi dạy học

50 Dân Quốc: chế độ chính trị được xác lập sau Cách mạng Tân Hợi 1911 ở Trung Quốc, với tên quốc gia là Trung Hoa Dân Quốc

có giờ rảnh, lại hay nghị luận về chánh trị. Va thường tự kỳ mình là một người “tốt”, rủ mấy tay danh nhân như bọn Thái Nguyên Bồi phát biểu một cái kế hoạch lập ra một cái chánh phủ “tốt”. Nhưng mà chánh quyền nước Tàu bấy giờ về tay bọn quân phiệt cho nên cái kế hoạch của Hồ rốt lại thành ra không ăn thua chi.

Sau đó trong nước càng nhiều việc lôi thôi, Hồ lại lập ra một tờ báo gọi là Mỗi chu bình luận, chỉ trích những sự hư hỏng trong việc chánh trị, nhiều điều đúng đắn, nhưng bọn quân phiệt thấy vậy thì ghét lắm.

Chính trong lúc ấy ở Quảng Đông xảy ra việc chánh biến, Trần Quýnh Minh cử binh đánh Quan Âm Sơn, Tôn Trung Sơn phải chạy đi tránh nạn ở Bạch Nga Đàm. Bấy giờ bên Quốc Dân Đảng đều cho Trần là phản bạn, là phạm thượng; song có một mình Hồ lại nói khác, nói rằng việc Trần làm đó chẳng

qua là một cuộc cách mạng mà thôi, ở dưới chánh thể dân chủ có cái phạm thượng là cái gì?

Cái câu Hồ nói đó chưa chắc là vô lý, song đã trái với Quốc Dân Đảng thì họ giận va lắm, hai bên bèn tuyệt quan hệ cùng nhau.

Kể đó Hồ có bệnh, thầy thuốc bảo phải nghỉ một năm. Va bèn giao báo Mỗi chu bình luận lại cho Cao Nhứt Hàm làm tiếp. Khi đó báo này nói năng lại xẵng hơn trước, làm cho Quốc Dân Đảng giận Hồ lung hơn dầu rằng va đã từ chức biên tập rồi.

Khi Hồ lành bệnh, Quốc Dân Đảng cũng hơi vượng lại, va muốn bỏ cả hiềm cũ, vào đảng lại để có hoạt động việc này việc khác. Không ngờ trong đảng họ còn căm, nhiều đường ngăn trở, thành ra Hồ không làm được việc gì.

Mới năm nay, khi Quốc Dân Quân đến Thượng Hải, chánh phủ thành phố mời hết thầy những người tai mắt đến đãi tiệc. Tiệc có Hồ dự. Giữa tiệc, nhiều người đứng lên diễn thuyết năm ba câu. Hồ, chừng như cho mình là một nhà triết học ngôn luận phải khác chúng mới được bèn đứng lên nói một cách sỗ sàng. Đại lược và nói rằng thành phố phải độc lập về đường chánh trị, không ở dưới quyền nào, không chịu mạng lệnh nào thì mới dễ mà mưu việc cải cách; bằng chẳng vậy thò ra bị đảng nầy câu thúc, bị đảng kia khiên chế, thì khó trông cho có ngày đổi mới được.

Va nói như vậy có gì lạ đâu, chẳng qua theo cái phép đô thị tự trị thì phải như vậy. Mới rồi các ông hội đồng quản hạt ta nói về việc tự trị của thành phố Vững Tàu cũng nói như vậy mà có ai cãi? Cho nên khi Hồ nói xong thì có ý tự đắc.

Chẳng dè mấy viên Quốc Dân Đảng trong tiệc đó đều không bằng lòng, chùng họ chưa quên cái hờn cũ thì phải, nên họ kiếm chuyện gây. Hồ nói vừa dứt, liền có anh đứng dậy bẻ, bẻ rằng: Hiện bây giờ chúng ta “lấy đảng trị nước”, quyền của đảng Quốc Dân phải cao hơn hết các quyền, phải giám đốc được cả các cơ quan. Nếu bảo rằng thành phố được độc lập, không ở dưới quyền nào, không chịu mạng lệnh nào, thế là phản đảng thế là phản cách mạng. Điều đó đem nói ở đâu thì còn được, chớ đem nói trước mặt các đảng viên Quốc Dân thì nghe ra không tiện lắm.

Hồ nghe xong, làm thình, có ý hối, tan tiệc rồi, ra về, có thể với anh em thân rằng rày về sau không hề đặt miệng đến việc đảng và việc nước nữa. Song bên đảng Quốc Dân họ cũng không cần chi Hồ, nói thì nói, không nói thì thôi, mặc kệ.

Hồ với Thái Nguyên Bồi vẫn có cảm tình tốt với nhau, độ này Thái đương đắc quyền,

nội bao nhiêu đồng chí với mình ngày trước, đều kéo ra để chia công việc với mình, mà chỉ bỏ sót mình Hồ, không dám đả động đến, là vì sợ mối ác cảm của bọn Quốc Dân Đảng.

Ở đời có dễ chi, trong đám người khá với nhau mà đã chéch bụng nhau thì cũng có khi xảy ra sự hãm hại như tiểu nhân được. Ai khôn thì giữ lấy! Từ bấy trở đi, Hồ ở luôn Thượng Hải, thường ngày lấy tẩu sắc làm khuây. Người ta thấy Hồ nhiều khi đêm khuya, tuyết lạnh, mà va còn cặp một vài ả vào nhà hàng Tân Tân “hối thén” cho đến sáng. Anh hùng hào kiệt nhằm lúc bất đắc ý thường hay đâm ra như vậy đó. Như vậy mà yên thân. Thà chịu cái độc thủ của kẻ cường quyền, của bọn tiểu nhân; không thà chịu cái chó má của bạn đồng chí, của người quân tử!

Gần đây có tin Hồ về Quảng Tây làm thầy giáo trường Đại học ở đó. Nghe tin nầy, bọn lão hủ theo đóm ăn tàn trong Quốc Dân Đảng miền Nam cùng nhau lập mưu nầy chước nọ

để cản trở. Thậm chí họ lập ra những hội nghị nầy hội nghị khác để đối phó việc Hồ về. Đồn vậy chớ Hồ có chắc chi chịu về, bọn nầy hợp tốp đối phó, chỉ tỏ ra cho thiên hạ biết cái bụng xấu của mình.

Thật ra thì họ đại nếu họ có lòng ái quốc thật. Họ rủ nhau chôn Hồ Thích chưa chắc được; mà chôn được thì là tổn hại cho cái văn hóa tương lai của nước Tàu nhiều lắm, họ có biết không?

C.D.

